

**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG
XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

MỤC LỤC

I. BỐI CẢNH	4
1. Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng	4
1.1. Dịch bệnh Covid-19 trên thế giới	4
1.2. Ảnh hưởng của dịch bệnh đến chuỗi cung ứng	5
1.3. Tình hình chuỗi cung ứng hiện nay	6
2. Rào cản/Biện pháp hạn chế của các nước trong hoạt động xuất nhập khẩu do Covid-19.....	7
2.1. Tác động của đại dịch tới tình hình xuất nhập khẩu của các nước trên thế giới	7
2.2. Biện pháp hạn chế của các nước trong hoạt động xuất nhập khẩu do dịch Covid-19	8
II. XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ	12
1. Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020	12
1.1. Xuất khẩu hàng hóa	13
1.2. Nhập khẩu hàng hóa	15
2. Các giải pháp/chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Việt Nam liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu	17
2.1. Về hỗ trợ doanh nghiệp thông qua nhóm chính sách tài khóa	18
2.2. Về hỗ trợ tín dụng và điều hành tỷ giá	19
2.3. Về hỗ trợ giảm chi phí sản xuất kinh doanh.....	19
2.4. Về tăng cường xuất khẩu, phát triển thị trường.....	20
III. TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020	21
1. Tác động của Covid-19 đến xuất khẩu Thành phố 6 tháng đầu năm 2020.....	21
1.1. Về thị trường xuất khẩu.....	21
1.2. Về mặt hàng xuất khẩu	26
2. Tác động của Covid-19 đến nhập khẩu Thành phố 6 tháng đầu năm 2020	30
2.1. Về thị trường nhập khẩu	30
2.2. Về mặt hàng nhập khẩu	31
3. Tổng hợp tác động của Covid-19 đến xuất nhập khẩu của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020	34
4. Tình hình hỗ trợ doanh nghiệp tại Thành phố liên quan đến Covid-19	34
4.1. Thực trạng khó khăn và nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp	34
4.2. Các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp của Thành phố	36
IV. GIẢI PHÁP	37

1. Dự báo tình hình thời gian tới	37
1.1. Theo thị trường	38
1.2. Theo mặt hàng	40
2. Các giải pháp	43
2.1. Tận dụng triệt để các Hiệp định thương mại để thúc đẩy xuất khẩu.....	44
2.2. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại	45
2.3. Nâng cao năng lực của hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp	45

Đại dịch SARS-CoV-2 (Covid-19) bùng phát từ cuối tháng 01 năm 2020 đến nay đã và đang ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động thương mại của Việt Nam nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong ngắn hạn dự báo sẽ có nhiều khó khăn với những yếu tố bất lợi do diễn biến tình hình dịch bệnh đang có dấu hiệu lây lan mạnh bên ngoài Trung Quốc, đặc biệt là tại các nước châu Âu và Hoa Kỳ - những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Báo cáo sau đây trình bày một số tác động ban đầu của Covid-19 đến xuất nhập khẩu của thành phố Hồ Chí Minh **trong 6 tháng đầu năm 2020** và đề xuất một số giải pháp liên quan.

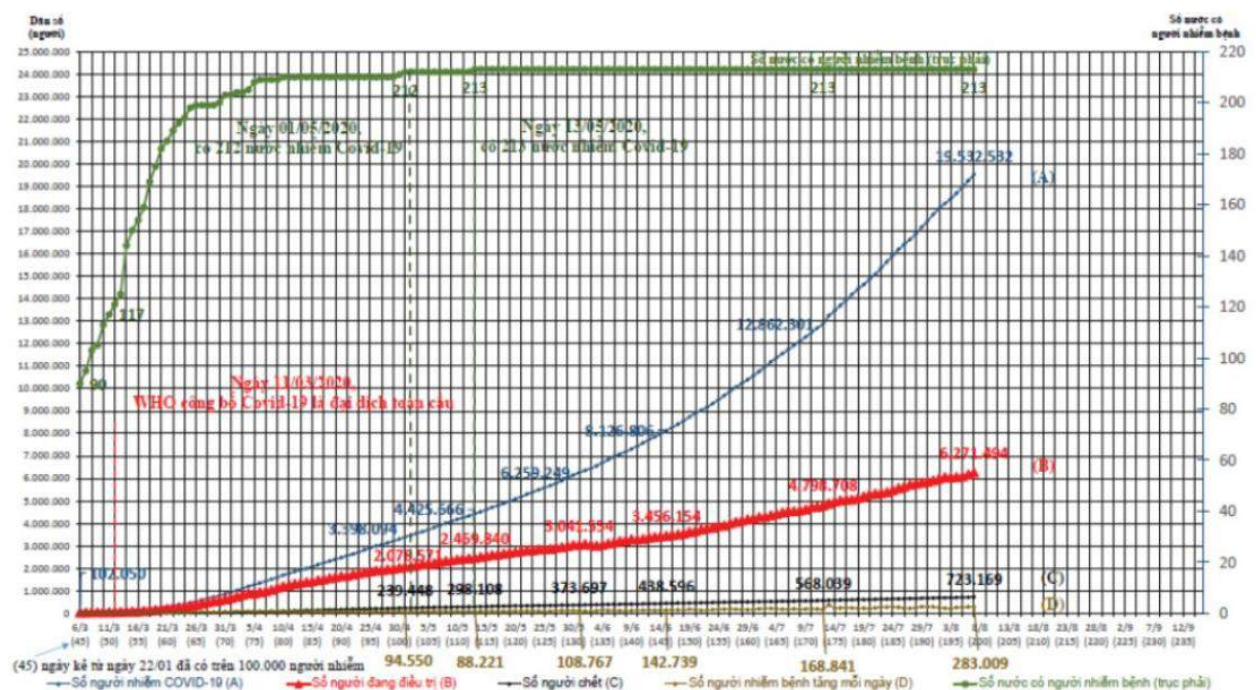
I. BỐI CẢNH

1. Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng

1.1. Dịch bệnh Covid-19 trên thế giới

Bắt đầu xuất hiện từ tháng 12 năm 2019 với tâm dịch đầu tiên được ghi nhận tại thành phố Vũ Hán (Trung Quốc), COVID-19 nhanh chóng lan ra chỉ trong vòng vài tháng sau đó và trở thành một đại dịch với phạm vi ảnh hưởng toàn cầu. Đại dịch này đã khiến nhiều nền kinh tế hứng chịu những hậu quả nặng nề do tốc độ lây lan rất nhanh, buộc nhiều quốc gia phải quyết định đóng cửa và thực hiện "giãn cách xã hội" (social distancing); từ đó dẫn đến sản xuất đình trệ, đứt gãy chuỗi cung ứng, người lao động mất việc tạm thời hoặc bị sa thải, các doanh nghiệp đối mặt với tình trạng phá sản.

Hình 1. Diễn biến dịch Covid-19 trên thế giới 6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: <http://www.medinet.hochiminhcity.gov.vn/>

Tháng 1 năm 2020, Trung Quốc ban hành lệnh phong tỏa Vũ Hán, tiếp đó là toàn tỉnh Hồ Bắc. Các thành phố lân cận cũng nhanh chóng bị cách ly, tuyên bố "nội bất xuất - ngoại bất nhập". Toàn bộ hệ thống giao thông công cộng và hoạt động xuất - nhập tại các địa phương có lệnh phong tỏa của Trung Quốc đều bị tạm ngưng. Theo phản ứng dây chuyền, hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương cũng bị ảnh hưởng do yêu cầu đóng cửa các cơ sở dịch vụ, kinh doanh; mô hình hoạt động kinh doanh chuyển đổi từ truyền thống sang trực tuyến. Mặc dù Trung Quốc không đóng cửa biên giới, nhưng lệnh phong tỏa đã gây nên ngăn cách dòng chảy thương mại, trước hết là thương mại nội địa;

các cơ sở sản xuất và hệ thống giao thông công cộng bị đóng cửa đã khiến một số ngành sản xuất bị ngưng đột ngột, nhu cầu người dân đối với một số mặt hàng và loại hình dịch vụ giảm sút. Nhìn chung trên toàn quốc, với vị trí "công xưởng của thế giới" và là thị trường đông dân nhất toàn cầu, việc ngưng trệ sản xuất nguyên liệu và cầu sụt giảm đã ảnh hưởng tới các quốc gia có quan hệ xuất nhập khẩu với nước này. Bên cạnh đó, do lo sợ dịch bệnh lây lan, nhiều quốc gia nhanh chóng "dựng tường" với Trung Quốc.¹

1.2. Ảnh hưởng của dịch bệnh đến chuỗi cung ứng

Khi dịch bệnh lây lan với tốc độ chóng mặt tại một số quốc gia châu Âu và Mỹ, các nhà chức trách của những nước này buộc phải có các biện pháp phản ứng nhằm bảo vệ sức khỏe người dân nghiêm ngặt hơn. Tồi thời điểm hiện tại, tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Đa số các quốc gia chỉ áp dụng các biện pháp kiểm soát đối với hành trình di chuyển của các cá nhân; hoạt động vận chuyển, thông thương hàng hóa cơ bản không bị hạn chế. Tuy vậy, theo tác động dây chuyền, sự khó khăn và trì trệ trong sản xuất cũng xảy ra tương tự tình hình Trung Quốc. Thêm vào đó, tình hình sản xuất bị ảnh hưởng có nguyên nhân chính là do sự đứt gãy nguồn cung từ Trung Quốc.

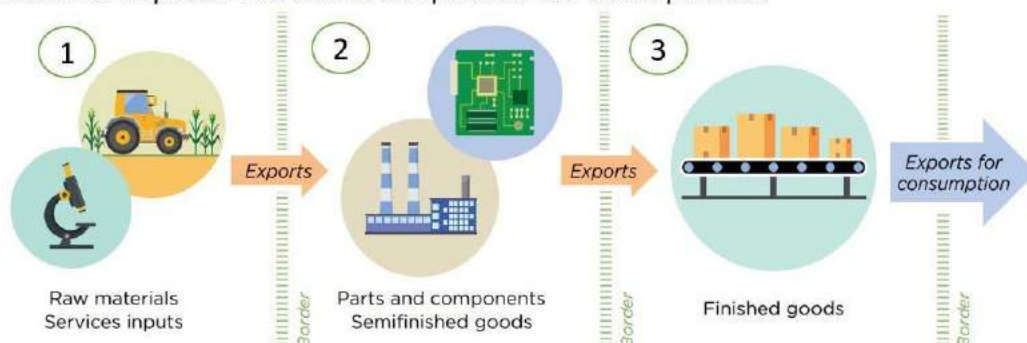
Như vậy, có thể thấy, cả việc Trung Quốc phong tỏa các thành phố trong nước, các quốc gia ban hành lệnh hạn chế đi lại và thực hiện đóng cửa biên giới với Trung Quốc đều tạo nên những tác động cộng hưởng tới thương mại. Cụ thể, nhiều chuyến bay bị hoãn, hủy hoặc cắt giảm sẽ làm chậm lại hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các quốc gia, xét trong bối cảnh toàn cầu hóa. Ngoài ra, vận tải nội địa các quốc gia cũng bị ảnh hưởng do một số quốc gia siết quy định kiểm soát biên giới. Điều này tác động đến tốc độ luân chuyển hàng hóa, bởi quá trình lưu thông chậm lại do thủ tục kiểm soát dịch bệnh ngặt nghèo hơn. Thêm vào đó, các hình thức học tập, làm việc bị thay đổi cùng với việc hạn chế đi lại, giãn cách xã hội sẽ tác động và làm thay đổi nhu cầu của người tiêu dùng. Từ đó, nhu cầu hàng hóa của các thị trường cũng sẽ thay đổi. Bên cạnh đó, việc ký kết các đơn hàng xuất khẩu trong thời gian này cũng bị đình trệ, các hoạt động xúc tiến thương mại - đầu tư giữa các bên sẽ ít nhiều bị cản trở, việc di chuyển của các chuyên gia và lao động trong những lĩnh vực bị hạn chế cũng gặp khó khăn hơn.

Quan trọng nhất là Trung Quốc hiện chiếm 18% GDP toàn cầu, vừa là nguồn cung cấp nguyên liệu cho nhiều nước thế giới, vừa là thị trường tiêu thụ lớn. Trước đại dịch, theo ước tính của Bloomberg, dựa trên số liệu của OECD, Trung Quốc đóng góp khoảng 40% hàng hóa trung gian cho các chuỗi cung ứng tại châu Á và 10% cho Hoa Kỳ. Như vậy, Trung Quốc đóng vai trò khá quan trọng trong chuỗi giá trị và tiêu thụ toàn cầu. Nếu nền kinh tế Trung Quốc bị chững lại, các nền kinh tế khác cũng sẽ bị ảnh hưởng.

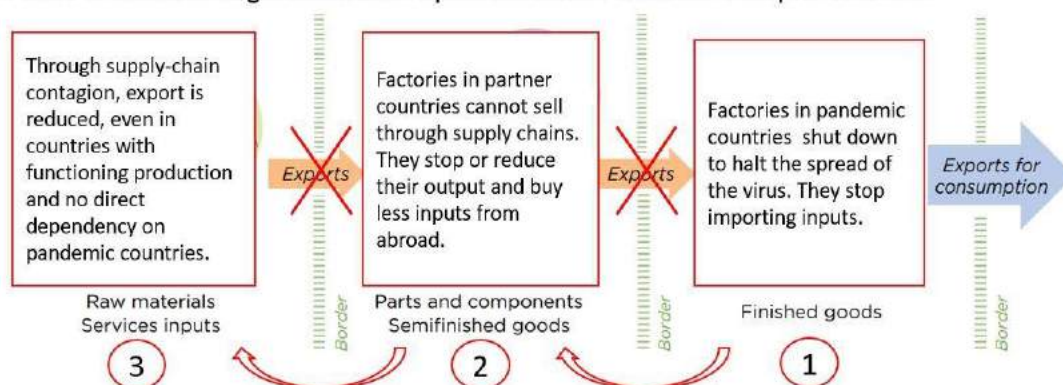
¹ Các nước đóng cửa biên giới đầu tiên bao gồm: CHDCND Triều Tiên, Mông Cổ, Malaysia, Kazakhstan, Nga, Mỹ, Nhật Bản, Việt Nam, Úc, Singapore, New Zealand, Philippines

How global value chains react to COVID-19 pandemic

A global value chain breaks up the production process across countries. Firms specialize in a specific task and do not produce the whole product.



The shutdown of factories creates a chain reaction, affecting the trade of other countries, even if their manufacturing facilities are operational and borders are open to trade.



Nguồn: Phỏng theo Báo cáo Phát triển Thế giới 2020. Thương mại để Phát triển trong Kỷ nguyên Chuỗi Giá trị Toàn cầu. Ngân hàng thế giới.

1.3. Tình hình chuỗi cung ứng hiện nay

Rõ ràng, sự lây lan chóng mặt của COVID-19 đã và đang làm ảnh hưởng sâu sắc tới chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong nhiều năm trở lại đây, khi nhiều quốc gia xem toàn cầu hóa là xu thế tất yếu, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế là điều không tránh khỏi.

Theo nhận định của các chuyên gia, chuỗi cung ứng hiện nay bao gồm những mối liên hệ đan xen và phức tạp cả trong và ngoài nước. Do đó, bất kỳ sự gián đoạn ở khâu nào cũng sẽ ảnh hưởng, hoặc ít hoặc nhiều, lên toàn bộ hệ thống chuỗi. Với các mắt xích quan trọng như Trung Quốc, sự đình trệ cung cầu đã kéo theo nhiều hệ quả nghiêm trọng, ở quy mô lớn hơn là ảnh hưởng đến cả nền kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia. Đại dịch COVID-19 đã làm bộc lộ những lỗ hổng của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ nhất, chuỗi cung ứng toàn cầu trước đại dịch dễ đứt gãy, gián đoạn, phụ thuộc nhiều ở một số mắt xích. Điều này là do các chuỗi giá trị toàn cầu trước đây thúc đẩy chuyển đổi kinh tế bằng cách cho phép các nước chuyên môn hóa một số khâu trong chuỗi. Khi dịch bệnh xảy ra, các khâu này nhất thời chưa có nguồn thay thế.

Thứ hai, chiến lược sản xuất và chuỗi cung ứng của các công ty ở khắp các quốc gia có nhiều lỗ hổng và dễ bị sụp đổ; điều này thể hiện rõ nét nhất khi cú sốc nguồn cung bắt đầu ở Trung Quốc trong thời kì đầu của đại dịch và cú sốc nhu cầu sau đó khi nền kinh tế toàn cầu đóng cửa. Cụ thể, các hạn chế thương mại tạm thời đã khiến nhiều nước thiếu hụt một số mặt hàng. Do đó, các nhà sản xuất trên toàn thế giới phải chịu áp lực cạnh

tranh lớn hơn để tăng sản lượng trong nước, tăng việc làm ở nước họ, giảm hoặc thậm chí loại bỏ sự phụ thuộc của họ vào các nguồn được coi là rủi ro, đồng thời tính toán lại việc sử dụng chiến lược sản xuất tinh gọn liên quan đến việc giảm thiểu lượng hàng tồn kho trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thứ ba, sự lây lan của COVID-19 đã và đang làm gián đoạn phương pháp vận hành chuỗi cung ứng toàn cầu khiến các nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng khó mô hình hóa và đánh giá rủi ro. Để hạn chế tác động tiêu cực khi chuỗi cung ứng bị gián đoạn, các đơn vị sản xuất kinh doanh phải xác định được các rủi ro trong chuỗi cung ứng của mình và tìm cách giải quyết bằng cách đa dạng hóa các nguồn hoặc dự trữ các nguyên liệu hoặc mặt hàng quan trọng. Tuy nhiên, tình hình hiện nay vẫn rất khó đoán. Nhiều doanh nghiệp đang ở thế cầm cự. Các quốc gia vẫn đang trong giai đoạn gấp rút phân loại các nhà cung cấp theo mức độ rủi ro thấp, trung bình hoặc cao và tìm các nguồn thay thế. Tuy nhiên, rất khó xác định thời gian bao lâu để vượt qua cú sốc nguồn cung mà không ngừng hoạt động.

Thứ tư, sự gián đoạn và đứt gãy làm bật lên những hạn chế của chuỗi cung ứng đường dài. Ví dụ, các công ty may mặc truyền thống mua vải từ châu Á, cắt may thành quần áo ở các nước khác, sau đó vận chuyển đến Hoa Kỳ hoặc châu Âu. Những chuỗi cung ứng đường dài này có thể làm chậm khả năng phản ứng nhanh chóng trước khủng hoảng và khiến doanh nghiệp đối mặt với tình cảnh hàng tồn kho chất chồng. Hay ví dụ ở Việt Nam, chuỗi giá trị điện tử chịu tác động của tình trạng phong tỏa đối với các nhà cung cấp ở nước ngoài và gián đoạn dịch vụ kho vận, ảnh hưởng đến cả việc vận chuyển nguyên vật liệu thô và linh kiện điện tử - và phân phối sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng.

2. Rào cản/Biện pháp hạn chế của các nước trong hoạt động xuất nhập khẩu do Covid-19

2.1. Tác động của đại dịch Covid-19 đến tình hình xuất nhập khẩu của các nước trên thế giới

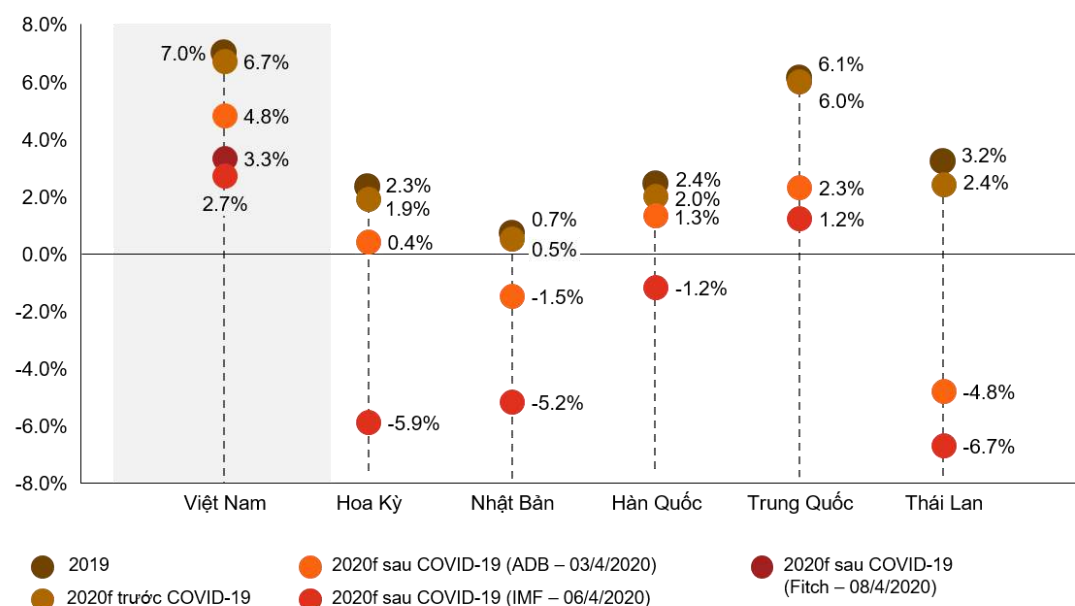
Sự bùng phát dịch COVID-19 đã mang lại những thách thức chưa từng có cho toàn thế giới. Nhiều quốc gia khác trên thế giới được dự báo sẽ rơi vào suy thoái hoặc mức tăng trưởng cực kỳ thấp năm 2020.

Chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn cục bộ khiến cho lưu thông hàng hoá, dịch vụ và lao động toàn cầu bị ảnh hưởng, nền kinh tế và dòng chảy thương mại quốc tế không thể hoạt động bình thường. Hơn thế nữa, hệ lụy của đại dịch COVID -19 là dẫn tới sự suy giảm tiêu dùng của người dân và xã hội, nhất là trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ. Tâm lý e sợ khiến các nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động cầm chừng, ngần ngại đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, điều này tác động mạnh tới tăng trưởng kinh tế, thương mại và đầu tư.

Nhìn chung, tình hình xuất nhập khẩu của thế giới đều có xu hướng chững lại, nhất là ở những khu vực bị ngưng trệ khi chính phủ và các doanh nghiệp quyết định ngừng hoạt động kinh tế do dịch bệnh, hay các ngành đang tiến hành chuyển dịch cơ sở sản xuất ra nơi khác.

Sửa đổi dự báo tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của một số quốc gia do sự bùng phát đại dịch COVID-19

Đơn vị: phần trăm

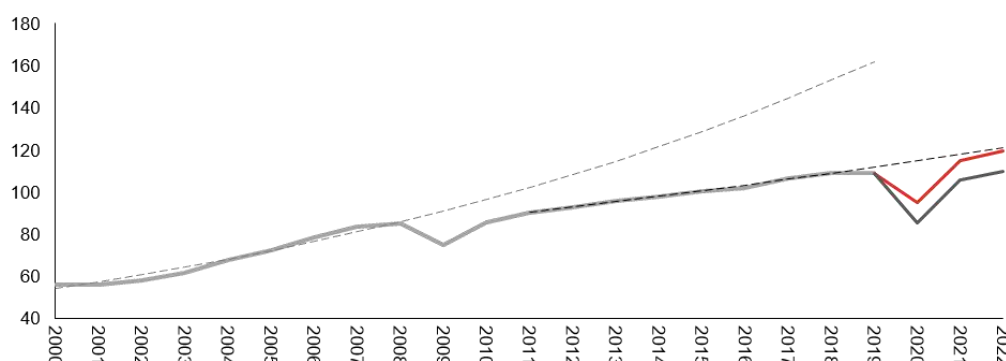


Nguồn: ADB, IMF, FitchRatings, Nghiên cứu và Phân tích của PwC

Khối lượng thương mại hàng hóa quốc tế, 2000-2022

Chỉ số, 2015=100

— Thương Mại Hàng Hóa – Xu hướng 2011-2018 — Kịch Bản Xấu Nhất
 - - Xu hướng 1990-2008 — Kịch Bản Tốt Nhất

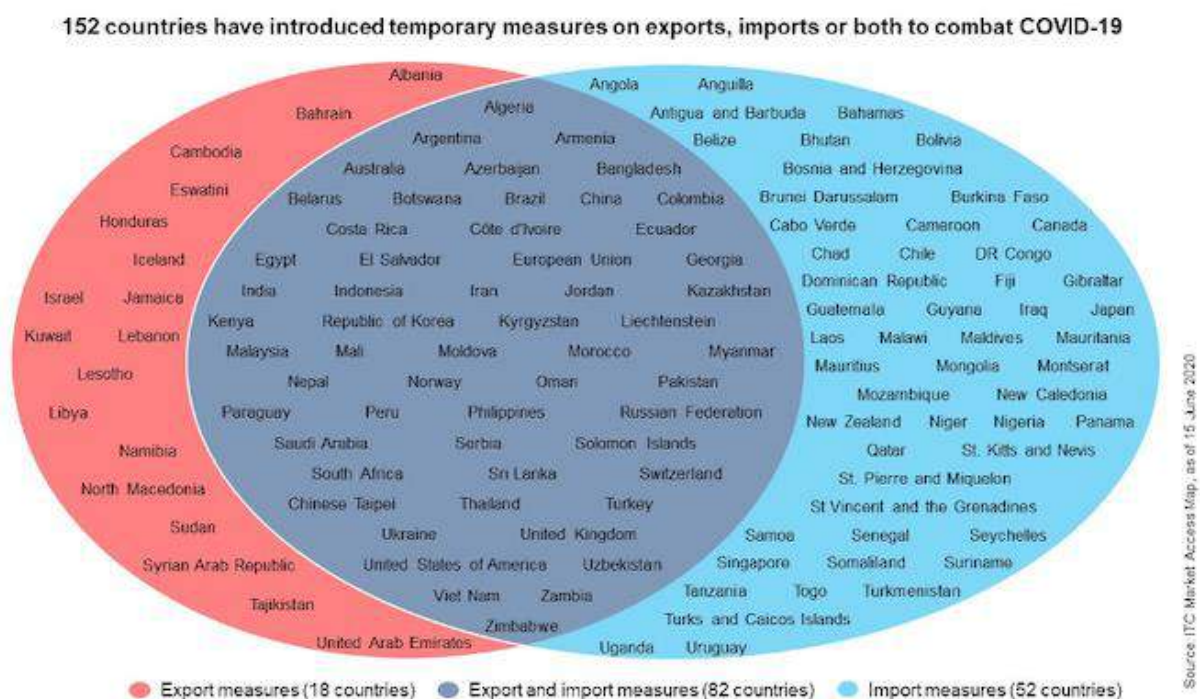


2.2. Biện pháp hạn chế của các nước trong hoạt động xuất nhập khẩu do dịch Covid-19

Nhiều quốc gia đồng thời thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh như: hạn chế đi lại, đóng cửa các nhà hàng, đóng cửa biên giới và sân bay,... đã gây ra sự gián đoạn chuỗi thương mại toàn cầu. Không dừng lại ở đó, ở một số quốc gia, nhất là thời kỳ đỉnh dịch, các biện pháp hạn chế thậm chí còn được áp dụng trực tiếp lên hoạt động xuất nhập khẩu, giao thương hàng hóa. Mức độ và biện pháp áp dụng tùy vào từng quốc gia, khu vực.

Các chính phủ đã đưa ra một số phản ứng chính sách thương mại để ngăn chặn đại dịch và hạn chế các hậu quả của COVID-19. Công cụ theo dõi hàng ngày trên Bản đồ Tiếp cận Thị trường ITC, chính thức ra mắt vào ngày 9 tháng 4, cho thấy hơn 100 quốc gia đã thực hiện 128 biện pháp xuất khẩu tạm thời và 134 quốc gia đã thực hiện 157 biện pháp nhập khẩu tạm thời để chống lại COVID-19.

Hình 1. Tình hình chung các quốc gia áp dụng biện pháp tạm thời ứng phó dịch COVID-19

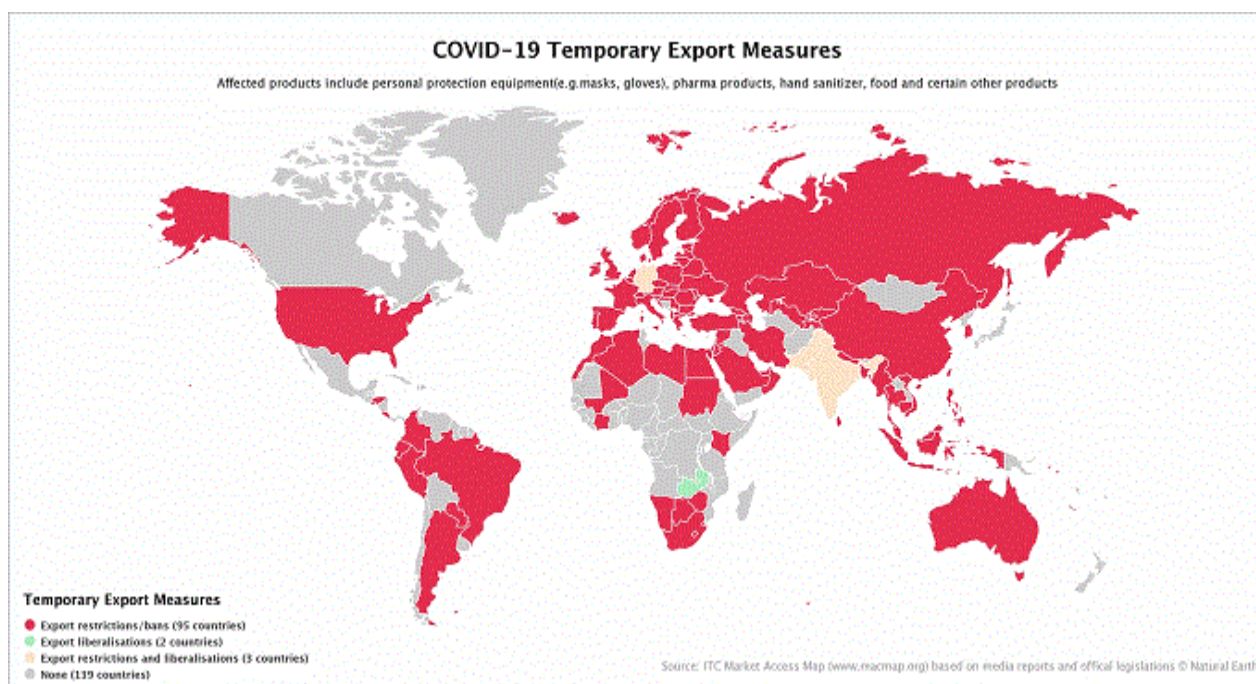


Nguồn: ITC, truy cập ngày 15/6/2020

2.2.1. Tình hình chung về việc áp dụng các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu

Các chính phủ vẫn đang ban hành và áp dụng các biện pháp thương mại tạm thời nhằm hạn chế xuất khẩu và tự do hoá nhập khẩu, nhất là các vật tư y tế quan trọng và các sản phẩm thiết yếu khác. Sau đây là bản đồ toàn cầu tổng quan về tình hình ban hành các biện pháp hạn chế trên toàn thế giới:

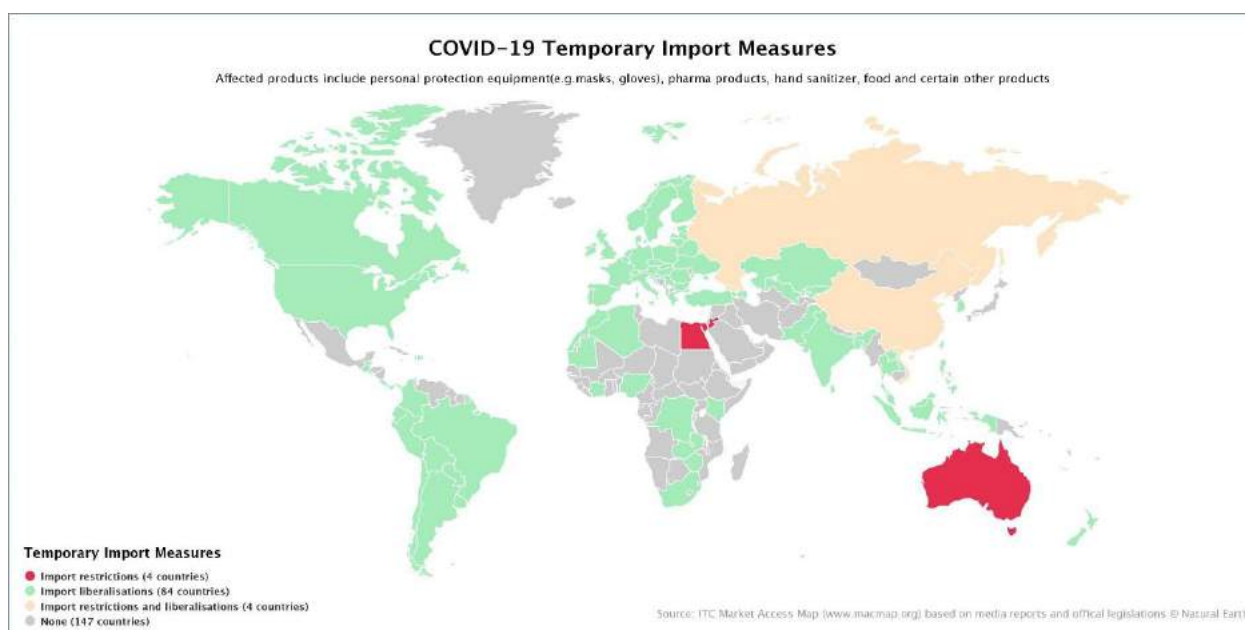
Hình 2. Các biện pháp hạn chế xuất khẩu tạm thời do COVID-19



Nguồn: Market Access Map, ITC; truy cập ngày 01/7/2020.

Về xuất khẩu, tính tới 01/7/2020, có 95 quốc gia áp dụng các biện pháp hạn chế hoặc cấm (màu đỏ), 02 quốc gia duy trì tự do hóa xuất khẩu (màu xanh), 15 quốc gia áp dụng kết hợp (màu cam), 139 quốc gia không áp dụng các biện pháp hạn chế (còn lại).

Hình 3. Các biện pháp hạn chế nhập khẩu tạm thời do COVID-19



Nguồn: Market Access Map, ITC.

Về nhập khẩu, đầu Quý II/2020, có 04 quốc gia áp dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu (màu đỏ), 84 quốc gia duy trì tự do hóa nhập khẩu (màu xanh), 04 quốc gia áp dụng kết hợp (màu cam), 147 quốc gia không áp dụng các biện pháp hạn chế (còn lại).

Tính đến giữa tháng 6, 15% các biện pháp tạm thời đã được dỡ bỏ, chủ yếu liên quan đến hạn chế xuất khẩu. Đến cuối tháng 6, có thêm 7% biện pháp hạn chế hết hiệu lực, chủ yếu là nhập khẩu. Tuy nhiên, hơn một nửa số biện pháp không có thời hạn cụ thể, trong đó nhiều biện pháp gắn liền với ngày dỡ bỏ tình trạng khẩn cấp quốc gia.

Như vậy, nhìn chung, các quốc gia dường như có xu hướng nới lỏng việc nhập khẩu hơn so với xuất khẩu. Khoảng hơn 1/3 thế giới vẫn duy trì các quy định thương mại bình thường. Tuy vậy, trên thực tế, tình hình xuất nhập khẩu vẫn sụt giảm tùy thuộc một phần lớn vào nhu cầu thị trường và sức chống chịu của doanh nghiệp, ngành sản xuất.

2.2. Các loại biện pháp tạm thời áp dụng cho hoạt động xuất nhập khẩu

Sau đây là bảng tổng hợp các loại biện pháp tạm thời áp dụng cho xuất nhập khẩu đang được các quốc gia áp dụng, ghi nhận thông tin từ 343 quốc gia trên thế giới tính tới thời điểm hiện tại:

Biện pháp xuất khẩu	Loại	Biện pháp nhập khẩu	Loại
Yêu cầu cấp phép hoặc cho phép để xuất khẩu	Hạn chế	Các biện pháp đặc biệt để tạo điều kiện nhập khẩu	Tự do hóa
Cấm xuất khẩu	Hạn chế	Giảm thuế quan	Tự do hóa
Giảm thuế quan	Tự do hóa	Đình chỉ thuế chống bán phá giá	Tự do hóa
Hạn chế xuất khẩu	Hạn chế	Thủ tục cấp phép nhập khẩu không tự động	Tự do hóa

Biện pháp xuất khẩu	Loại	Biện pháp nhập khẩu	Loại
Đánh giá sự phù hợp trước khi xuất khẩu	Hạn chế	Yêu cầu cấp phép để nhập khẩu các sản phẩm nhất định	Hạn chế
Kiểm soát xuất khẩu	Hạn chế	Yêu cầu Kiểm dịch; Yêu cầu thông qua cảng hải quan cụ thể	Hạn chế
Hạn ngạch xuất khẩu	Hạn chế	Cấm nhập khẩu	Hạn chế
Tạm dừng lệnh cấm xuất khẩu	Tự do hóa	Các lệnh cấm / hạn chế nhập khẩu vì lý do SPS hoặc TBT	Hạn chế
Dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu	Tự do hóa	Đình chỉ chứng nhận bắt buộc	Tự do hóa
		Loại bỏ các yêu cầu cấp phép nhập khẩu	Tự do hóa
		Thủ tục hành chính được nói lỏng	Tự do hóa
		Các biện pháp đặc biệt để tạo điều kiện nhập khẩu	Tự do hóa
		Gia hạn thời gian nộp thuế hải quan	Tự do hóa
		Yêu cầu chứng nhận	Tự do hóa
		Xóa bỏ thuế quan	Tự do hóa
		Giảm thuế quan / tăng hạn ngạch	Tự do hóa
		Giảm thuế quan	Tự do hóa
		Tăng thuế quan	Hạn chế
		Tạm dừng lệnh cấm nhập khẩu	Tự do hóa
		Dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu	Tự do hóa
		Gia hạn khung thời gian cho số đăng ký tự động	Tự do hóa
		Thuế nhập khẩu bổ sung	Hạn chế
		Giảm chi phí nhập khẩu	Tự do hóa

Ghi chú: Bảng trên phân loại theo xuất khẩu, nhập khẩu, không phải theo nhóm biện pháp cấm/hạn chế, do tình hình áp dụng của các quốc gia khác nhau, có nhiều quốc gia không những hạn chế mà còn khuyến khích xuất nhập khẩu một số mặt hàng cần thiết theo nhu cầu.

2.3. Tình hình áp dụng biện pháp hạn chế thương mại theo khu vực trong 6 tháng đầu năm 2020

WTO đã theo dõi các biện pháp liên quan đến hạn chế thương mại mà chính phủ các quốc gia áp dụng nhằm đối phó với đại dịch COVID-19. Loại biện pháp được áp dụng nhiều nhất là các biện pháp hạn chế xuất khẩu tạm thời đối với hàng hóa y tế. Ngoài ra còn có một số biện pháp tạo thuận lợi thương mại, chẳng hạn như việc xóa bỏ thuế quan

tạm thời và đơn phương để tạo điều kiện nhập khẩu một số mặt hàng nhất định. Một số quốc gia đã thông qua các biện pháp tạm thời cấm hoặc hạn chế xuất khẩu thực phẩm và nông sản. Cùng với đó, một số lệnh cấm xuất khẩu được đưa ra trước đó cũng được dỡ bỏ.

Kể từ ngày 8 tháng 5 năm 2020, 2/3 thành viên WTO đã thông báo về việc áp dụng các biện pháp thương mại tạm thời có liên quan đến các tiêu chuẩn và quy định nhằm ứng phó với đại dịch COVID-19. Thông báo đầu tiên được WTO tiếp nhận vào ngày 3 tháng 2 năm 2020 và phần lớn là vào tháng 4 năm 2020. Tính đến hết tháng 4/2020, 27 thành viên WTO đã gửi 85 thông báo áp dụng biện pháp thương mại tạm thời liên quan tới các tiêu chuẩn, cụ thể gồm 52 TBT và 33 SPS. Cụ thể, Brazil và Kuwait là hai nước áp dụng nhiều biện pháp nhất (15 biện pháp). Đa số chỉ áp dụng 1-2 biện pháp tạm thời, bao gồm: Argentina, Úc, Canada, Chile, Nhật Bản, Mexico, Peru,...

Hầu hết các thông báo đã được đệ trình theo các điều khoản thông báo khẩn cấp của Hiệp định SPS và TBT để giải quyết các vấn đề sức khỏe cấp bách. Đối với TBT, khoảng một nửa các biện pháp được thông báo được cho là tạm thời, thường áp dụng trong khoảng thời gian sáu tháng. Đối với các biện pháp SPS, gần 2/3 trong số này được thông báo là các biện pháp khẩn cấp và một nửa được thông báo là các biện pháp tạm thời. Một phần ba số thông báo SPS còn lại được gửi dưới dạng thông báo thông thường. Trong số này, 90% được xác định là các biện pháp tạo thuận lợi thương mại.

Đối với khối các nước kém phát triển (LDC), kể từ khi bắt đầu đại dịch, ít nhất 2/3 các nước LDC đã áp dụng nhiều biện pháp ngăn chặn. Về phía nhập khẩu, các nền kinh tế đang phát triển và các nền kinh tế ở châu Á đóng vai trò quan trọng với tư cách là nhà cung ứng chính cho các nước kém phát triển. Tuy nhiên, đã có sự gián đoạn chuỗi cung ứng ở các nền kinh tế này, do đó đã ảnh hưởng đến tình hình nhập khẩu của các nước LDC. Đại dịch COVID-19 cũng ảnh hưởng nặng nề đến những nước LDC phụ thuộc vào dịch vụ du lịch. Lĩnh vực du lịch chiếm gần một nửa (48,3%) tổng kim ngạch xuất khẩu dịch vụ thương mại của LDC vào năm 2019. Ví dụ, Nepal (93%), Tanzania (93%), Haiti (91%), Angola (87%), Campuchia (82%), Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (81%), Vanuatu (81%), Zambia (81%) và Timor-Leste (80%).

Vào tháng 6, một số quốc gia, đặc biệt là ở châu Âu đã bắt đầu nới lỏng các biện pháp khóa cửa. Tuy nhiên, cùng lúc đó, đại dịch bùng phát mạnh mẽ trở lại trên toàn cầu và cho thấy sự gia tăng theo cấp số nhân ở các khu vực khác trên thế giới, như châu Phi, Trung Á và Mỹ Latinh. Song, sẽ rất khó để các quốc gia tiếp tục áp dụng biện pháp hạn chế thương mại. Khi thế giới chuyển từ tình trạng khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng sang suy thoái kinh tế, một số biện pháp thương mại tạm thời sẽ không trực tiếp chống lại đại dịch theo hướng giảm nhẹ hậu quả kinh tế tiêu cực. Ví dụ, Sri Lanka cấm nhập khẩu các mặt hàng 'không thiết yếu' do dòng chảy ngoại hối. Kazakhstan và Uzbekistan tạm thời cấm nhập khẩu xi măng để hỗ trợ các nhà sản xuất trong nước bị ảnh hưởng bởi hoạt động xây dựng sụt giảm mạnh.

II. XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ

1. Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020

Tính đến hết tháng 6 năm 2020 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 240,11 tỷ USD, giảm 1,4% (tương ứng giảm 3,29 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 122,79 tỷ USD, tăng 0,2% và nhập khẩu đạt

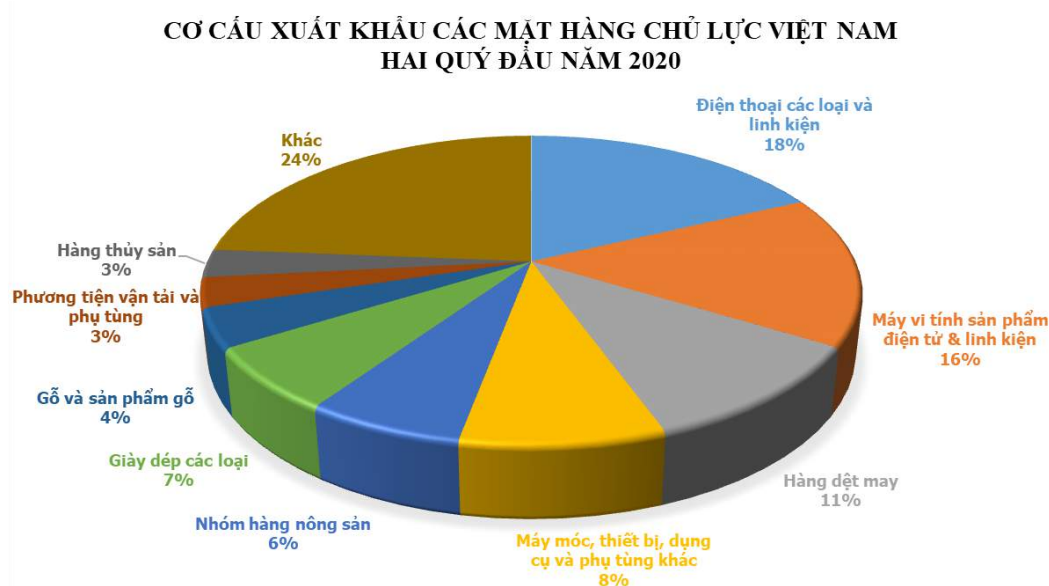
117,33 tỷ USD, giảm 2,9%. Cán cân thương mại của cả nước thặng dư 5,46 tỷ USD, là mức thặng dư khá cao so với 1,7 tỷ USD của cùng kỳ năm 2019.

Tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 2 quý đạt 145,38 tỷ USD, giảm 5,5%, tương ứng giảm 8,43 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của khối doanh nghiệp FDI trong 2 quý đạt 79,72 tỷ USD, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Ở chiều ngược lại, trị giá nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI đạt 65,66 tỷ USD, giảm 5,3% so năm 2019. Cán cân thương mại hàng hóa của khối doanh nghiệp FDI đạt 14,06 tỷ USD.

1.1. Xuất khẩu hàng hóa

1.1.1. Theo nhóm ngành

Hình 4. Cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tổng Cục Hải quan.

Tính đến hết tháng 6 năm 2020, trị giá xuất khẩu của cả nước đạt 122,79 tỷ USD, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 2 nhóm hàng có mức tăng trên 1 tỷ USD là: máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện (tăng 3,95 tỷ USD); máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng (tăng 2,18 tỷ USD). Các nhóm hàng có mức giảm trên 1 tỷ USD bao gồm: máy ảnh, máy quay phim & linh kiện (giảm 1,07 tỷ USD); điện thoại các loại và linh kiện (giảm 1,54 tỷ USD).

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam gồm:

Điện thoại các loại và linh kiện: giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 2 quý năm 2020 đạt 21,95 tỷ USD, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu nhóm hàng này sang EU (28 nước) đạt 4,92 tỷ USD, tăng 22,3%; xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt trị gần 4 tỷ USD, tăng 5,2%; sang thị trường Trung Quốc đạt 3,73 tỷ USD, tăng gấp 2,4 lần; sang thị trường Hàn Quốc đạt 2,51 tỷ USD, tăng 6%... so với cùng kỳ năm trước.

Máy vi tính sản phẩm điện tử & linh kiện: trị giá xuất khẩu đạt 19,47 tỷ USD tăng 25,4% so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 5,41 tỷ USD, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước; Hoa Kỳ đạt 4,38 tỷ USD, tăng 1,9 lần; sang thị trường sang EU đạt 2,55 tỷ USD, tăng 5,8%...

Hàng dệt may: xuất khẩu nhóm này đạt 13,18 tỷ USD, giảm 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu hàng dệt may lớn nhất từ Việt Nam với trị giá đạt 6,19 tỷ USD, giảm 11,9% so với cùng kỳ năm trước; đứng thứ 2 là thị trường Nhật Bản với 1,64 tỷ USD, giảm 7%; thị trường EU (28 nước) đứng thứ ba với 1,6 tỷ USD, giảm 19,2%.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác: trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 10,42 tỷ USD, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm trước. Các thị trường nhập khẩu chủ yếu gồm: Hoa Kỳ với 2,93 tỷ USD, tăng mạnh 73,5%; sang EU (28 nước) đạt trị giá 1,33 tỷ USD, tăng 29,7%; Nhật Bản với 809 triệu USD tăng 6%; Hàn Quốc với 754 triệu USD, tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2019.

Nhóm hàng nông sản (bao gồm hàng rau quả, hạt điều, hạt tiêu, chè, cà phê, gạo, sản và sản phẩm sản, cao su): xuất khẩu đạt 8,1 tỷ USD, giảm 282 triệu USD so với cùng kỳ năm trước. Có 5/8 mặt hàng xuất khẩu trong nhóm hàng nông sản có trị giá giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó giảm mạnh nhất là hàng rau quả 278 triệu USD và tăng mạnh nhất là gạo 270 triệu USD. Trong đó: xuất khẩu sang thị trường chủ lực là Trung Quốc vẫn giảm mạnh so với cùng kỳ, đạt 2,43 tỷ USD giảm hơn 17,1%; sang Hoa Kỳ đạt 841 triệu USD, tăng 5%; sang Philipin đạt 737 triệu USD, tăng mạnh 21,1%...

Giày dép các loại: xuất khẩu đạt 8,13 tỷ USD, giảm 6,9% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ và EU là 2 thị trường chính nhập khẩu nhóm hàng giày dép các loại của Việt Nam trong 2 quý/2020 với trị giá và tốc độ tăng lần lượt là 2,93 tỷ USD (giảm 7,7%) và 2,13 tỷ USD (giảm 14%). Tính chung, trị giá nhóm hàng giày dép xuất khẩu sang 2 thị trường chính đạt 5,06 tỷ USD, chiếm 62,5% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước.

Gỗ và sản phẩm gỗ: xuất khẩu 5,04 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu sang Hoa Kỳ với trị giá 2,6 tỷ USD, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước; sang Trung Quốc với 640 triệu USD, tăng 18,3%; sang Nhật Bản với hơn 600 triệu USD, giảm 2,7%.

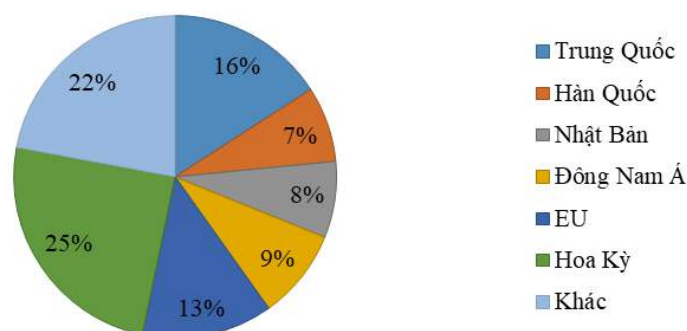
Phương tiện vận tải và phụ tùng: xuất khẩu đạt 3,76 tỷ USD, giảm 11,4% so với cùng kỳ năm 2019. Các thị trường nhập khẩu chính gồm: Nhật Bản với trị giá đạt 1,05 tỷ USD, giảm 18,9%; sang Hoa Kỳ đạt 753 triệu USD, tăng 0,3%; sang Hàn Quốc đạt trị giá 219 triệu USD, tăng 19,3%.

Hàng thủy sản: trị giá xuất khẩu đạt 3,6 tỷ USD, giảm 9% so với cùng thời gian năm 2019. Thị trường xuất khẩu chủ lực: Nhật Bản: 668 triệu USD; giảm 1,6%; Hoa Kỳ: 654 triệu USD, tăng 0,5%; EU (28 nước) với 546 triệu USD, giảm 11,7%; Trung Quốc: 483 triệu USD, tăng 1%... so với cùng kỳ năm trước.

1.1.2. Theo thị trường xuất khẩu

Hình 5. Cơ cấu thị trường xuất khẩu chủ lực Việt Nam 2 quý đầu năm 2020

Cơ cấu thị trường xuất khẩu chủ lực Việt Nam hai quý đầu năm 2020



Nguồn: Tổng Cục Hải quan.

- Đối với các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản: Tính chung 6 tháng, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đạt 19,5 tỷ USD, tăng 17,4% (do mặt hàng điện thoại và linh kiện tăng 127,9%); Hàn Quốc đạt 9,3 tỷ USD, tăng 2,3%; Nhật Bản đạt 9,4 tỷ USD, giảm 2,3%.

- Đối với thị trường Đông Nam Á: Tính chung 6 tháng đạt 11,1 tỷ USD, giảm 14,2%.

- Đối với thị trường EU: Tính chung 6 tháng đạt 16,1 tỷ USD, giảm 8,8%;

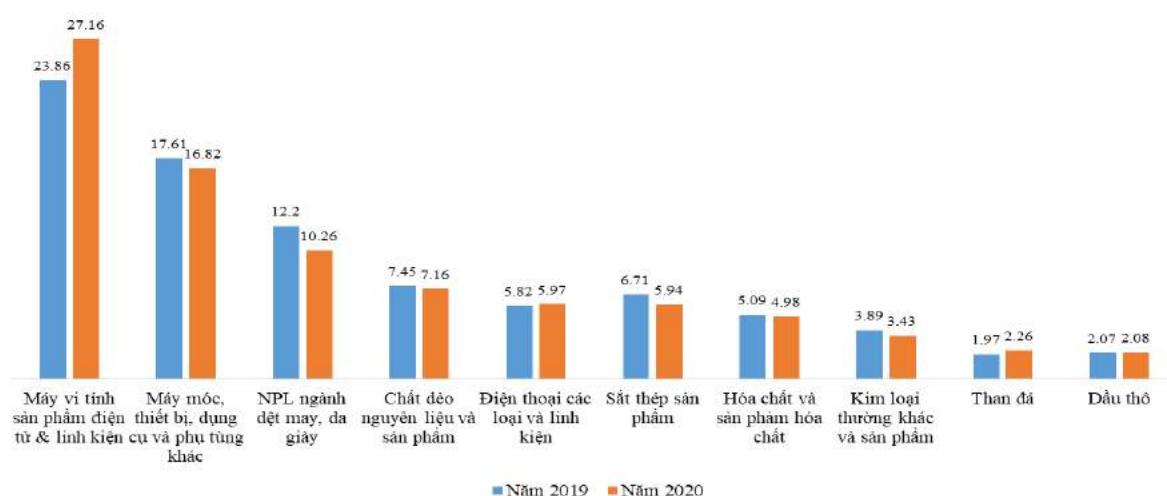
- Đối với Hoa Kỳ: Kim ngạch đạt 30,3 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Nhập khẩu hàng hóa

1.2.1. Theo nhóm ngành

Hình: Trị giá nhập khẩu của 10 nhóm hàng lớn nhất Việt Nam trong hai quý đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 (Tỷ USD)

**Trị giá nhập khẩu của 10 nhóm hàng lớn nhất
trong 2 quý đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019**

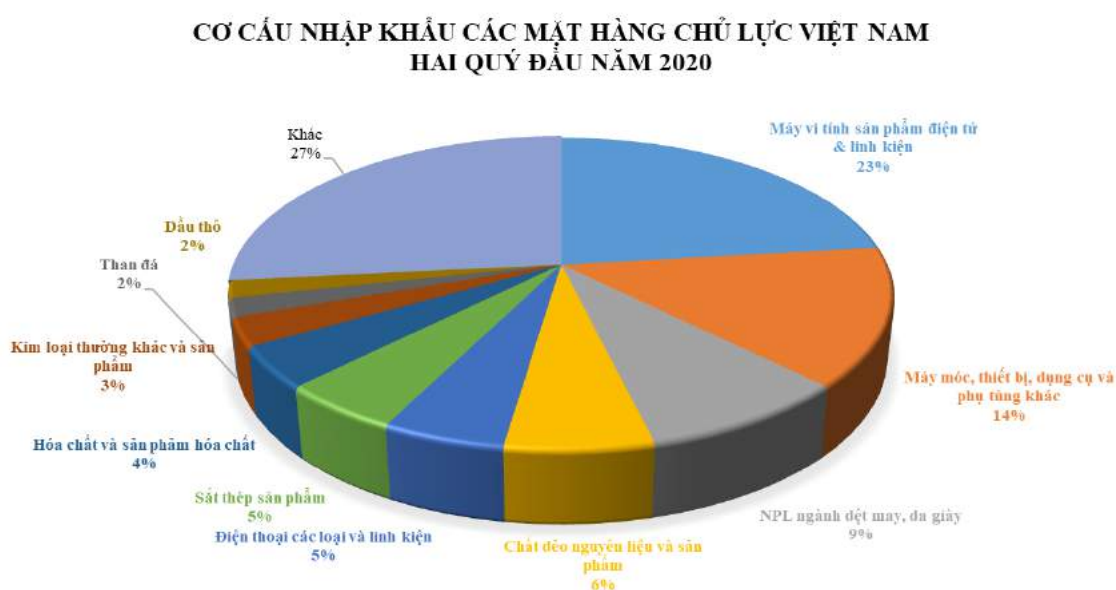


Nguồn: Tổng Cục Hải quan.

Tính đến hết tháng 6 năm 2020, tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 117,33 tỷ USD, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm 2019. Nhiều nhóm hàng nhập khẩu giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước như xăng dầu các loại giảm 5% về lượng và giảm 38,7% về trị

giá; ô tô nguyên chiếc các loại giảm gần ½ cả về lượng và trị giá; linh kiện phụ tùng ô tô giảm 17,3% về trị giá; sắt thép các loại giảm 6,2% về lượng và giảm 16,6% về trị giá... Bên cạnh đó, nhập khẩu còn giảm ở các nhóm hàng rau quả giảm 40,5% về trị giá; nguyên phụ liệu ngành dệt may da giày giảm 15,9% về trị giá; máy móc thiết bị dụng cụ & phụ tùng giảm 4,5% về trị giá. Ngược lại, nhập khẩu một số nhóm hàng vẫn tăng cao như: máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện tăng 13,8% (tương ứng tăng 3,3 tỷ USD); lúa mì tăng 38,5% (tương ứng tăng 131 triệu USD); thủy tinh & các sản phẩm từ thủy tinh tăng 30,1% (tương ứng tăng 148 triệu USD); than đá tăng 53,8% về lượng và tăng 15% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Hình: Cơ cấu nhập khẩu các mặt hàng chủ lực Việt Nam trong hai quý đầu năm 2020



Nguồn: Tổng Cục Hải quan.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ lực của Việt Nam gồm:

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: nhập khẩu gần 27,16 tỷ USD tăng 13,8% (tương ứng tăng 3,3 tỷ USD) so với 6 tháng năm 2019. Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu trong 2 quý năm 2020 là 7,88 tỷ USD, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc với 6,65 tỷ USD, tăng 14,2%. Nhập khẩu từ Đài Loan (với 3,19 tỷ USD, tăng mạnh 31,7%) đã vượt Hoa Kỳ (với 2,28 tỷ USD, tăng 3,6%) để trở thành thị trường đứng thứ 3 cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng: tổng trị giá nhập khẩu đạt 16,82 tỷ USD, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khối các doanh nghiệp FDI nhập khẩu 8,53 tỷ USD, giảm 9,3% và khối các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 8,29 tỷ USD, tăng nhẹ 1,1%. Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 2 quý năm 2020 với trị giá gần 7 tỷ USD, tăng 3,2%; tiếp theo là các thị trường Hàn Quốc với 2,94 tỷ USD, giảm 8,6%; Nhật Bản với 2,18 tỷ USD, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm hàng nguyên phụ liệu phục vụ cho ngành dệt may, da giày (bao gồm bông các loại; vải các loại; xơ sợi dệt các loại và nguyên phụ liệu dệt may da giày): tổng trị giá nhập khẩu của nhóm hàng này trong 2 quý/2020 là 10,26 tỷ USD, đã giảm mạnh 15,9%

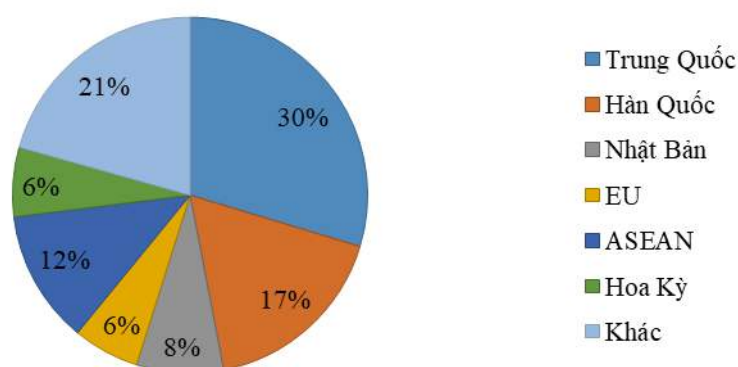
(tương ứng giảm 1,94 tỷ USD) so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc duy trì là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng nguyên phụ liệu phục vụ ngành dệt may da giày cho Việt Nam, đạt trị giá 4,93 tỷ USD, giảm 13%, tương ứng giảm 733 triệu USD so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng 48% trong tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này.

Xăng dầu các loại: tổng lượng xăng dầu nhập khẩu của cả nước là 4,3 triệu tấn, giảm 5%, trị giá nhập khẩu là 1,72 tỷ USD, giảm 38,7% so với 6 tháng/2019. Trong đó, nhập khẩu từ Malaixia với 1,19 triệu tấn, giảm 5%; từ Hàn Quốc với 1,11 triệu tấn, tăng nhẹ 6%; từ Singapore với 860 nghìn tấn, giảm 25% so với cùng kỳ năm 2019.

1.2.2. Theo thị trường xuất khẩu

Hình: Cơ cấu thị trường nhập khẩu chủ lực Việt Nam trong hai quý đầu năm 2020

**Cơ cấu thị trường nhập khẩu chủ lực Việt Nam
hai quý đầu năm 2020**



Nguồn: Tổng Cục Hải quan.

- Đối với các thị trường Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 34,8 tỷ USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 20,3 tỷ USD, giảm 10%; Nhật Bản đạt 9,3 tỷ USD, tăng 5,3%;
- Đối với EU: Đạt 7,1 tỷ USD, tăng 8,4%;
- Đối với ASEAN: tính chung 6 tháng đạt 14,2 tỷ USD, giảm 11,9%;
- Đối với Hoa Kỳ: Đạt 7,4 tỷ USD, tăng 7,2%;

2. Các giải pháp/chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Việt Nam liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu

Song song với nhiệm vụ chống dịch, Chính phủ đã luôn đồng hành cùng doanh nghiệp để vượt qua khó khăn, ổn định và khôi phục sản xuất. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Chỉ thị ban hành 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, gồm: (i) Tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi về tiếp cận vốn, tín dụng, tài chính, thuế, thương mại, thanh toán điện tử; (ii) Rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí cho DN; (iii) Tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy xuất, nhập khẩu; (iv) Khẩn trương phục hồi và phát triển ngành du lịch, hàng không; (v) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh;

(vi) Tập trung xử lý vướng mắc về lao động; (vii) Đẩy mạnh thông tin truyền thông. Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, nhiều chính sách quan trọng đã được các Bộ, ngành nghiên cứu ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền kịp thời ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

2.1. Về hỗ trợ doanh nghiệp thông qua nhóm chính sách tài khóa

Trên cơ sở tình hình thực tiễn, kinh nghiệm của các nước cũng như khuyến nghị của các tổ chức quốc tế, khả năng của ngân sách, nhiều chính sách tài khóa đã được ban hành để hỗ trợ DN như:

- Gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất: Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ban hành và được áp dụng rộng rãi cho hầu hết DN, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh chịu tác động trực tiếp của dịch Covid-19.

- Giảm thuế TNDN cho DN nhỏ và siêu nhỏ: Chính phủ đã có văn bản trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để báo cáo Quốc hội cho phép bổ sung Dự án Nghị quyết của Quốc hội về một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) nhằm hỗ trợ, phát triển DN nhỏ và siêu nhỏ vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2020. Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết gồm: áp dụng thuế suất 15% đối với DN siêu nhỏ; thuế suất 17% đối với DN nhỏ; miễn thuế TNDN 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với DN nhỏ, DN siêu nhỏ được thành lập mới từ hộ kinh doanh. Việc ban hành Nghị quyết này sẽ giảm nghĩa vụ thuế của DN đồng thời giảm thu NSNN khoảng 15.500 tỷ đồng mỗi năm.

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp: Chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp hiện nay sẽ được thực hiện đến hết năm 2020. Để hỗ trợ lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, Bộ Tài chính đã trình Bộ Chính trị về việc cho phép tiếp tục thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2025. Chính phủ đã trình Quốc hội về dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Việc thực hiện dự án Nghị quyết này dự kiến sẽ hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp với số tiền khoảng 7.500 tỷ đồng mỗi năm.

- Điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân (TNCN) qua đó giảm nghĩa vụ thuế cho người dân: Bộ Tài chính đã trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN. Nội dung của dự thảo Nghị quyết điều chỉnh tăng mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế từ 09 triệu đồng/tháng lên mức 11 triệu đồng/tháng, cho mỗi người phụ thuộc từ 3,6 triệu đồng/tháng lên mức 4,4 triệu đồng/tháng. Với đề xuất này sẽ có khoảng 6,8 triệu người nộp thuế được hưởng lợi (trong đó có khoảng 1 triệu người đang thuộc diện phải nộp thuế sẽ không phát sinh số thuế TNCN phải nộp), tương ứng với số thu thuế TNCN sẽ giảm khoảng 10.300 tỷ đồng mỗi năm.

- Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 07/02/2020 về danh mục các mặt hàng được miễn thuế nhập khẩu phục vụ phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra gồm các mặt hàng khẩu trang y tế, nước rửa tay sát trùng; nguyên liệu để sản xuất khẩu trang (vải không dệt, màng lọc kháng khuẩn, dây thun,...), nước sát trùng, bộ trang phục phòng chống dịch. Theo đánh giá sơ bộ của Bộ Tài chính, việc thực hiện Quyết định số 155/QĐ-BTC nêu trên và một số giải pháp về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu khác đang được nghiên cứu sửa đổi sẽ làm giảm thu NSNN trước mắt trên 6.000 tỷ đồng, tuy nhiên

sẽ có tác động lớn đến việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu của DN.

2.2. Về hỗ trợ tín dụng và điều hành tỷ giá

- Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ tín dụng cho khách hàng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 như: Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ. Các Quyết định số 418; 419; 420; 421; 422; 423 ngày 16/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước về điều chỉnh các mức lãi suất điều hành, gồm: giảm lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất điều hành khác từ 0,5%-1%/năm, giảm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn từ 0,25-0,3%. Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 về các giải pháp cấp bách của ngành ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19. Thông tư số 04/2020/TT-NHNN ngày 31/3/2020 điều chỉnh giảm 50% mức phí giao dịch thanh toán liên ngân hàng qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, áp dụng từ ngày 01/4 đến ngày 31/12/2020; ...

- Từ ngày 17/3/2020, NHNN tiếp tục điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành từ 0,5-1%/năm, giảm 0,5% trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên (hiện ở mức 5,5%/năm). Các ngân hàng thương mại (NHTM) đồng thuận với NHNN về việc tiếp tục giảm lãi suất cho vay tối đa đến 2% so với thời điểm trước dịch đối với các khoản vay cũ và khoản cho vay mới. Các TCTD đã triển khai có hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho trên 215 nghìn khách hàng với dư nợ 130 nghìn tỷ đồng, miễn, giảm, hạ lãi suất cho 260 nghìn khách hàng với dư nợ 1,08 triệu tỷ đồng, cho vay mới lãi suất ưu đãi với doanh số lũy kế từ 23/1/2020 đến nay đạt 630 nghìn tỷ đồng cho 182 nghìn khách hàng, lãi suất thấp hơn phổ biến từ 0,5% - 2,5% so với trước dịch; miễn, giảm phí thanh toán khoảng 1.004 tỷ đồng. Trong đó, riêng doanh nghiệp chiếm khoảng gần 80% tổng số đã được TCTD hỗ trợ. Hiện nay, mặt bằng lãi suất huy động của TCTD đã liên tiếp giảm ở cả ngắn, trung và dài hạn

Mặt bằng lãi suất cho vay cũng theo xu hướng giảm, riêng lãi suất cho vay lĩnh vực ưu tiên đã giảm khoảng 0,5%/năm so với cuối năm 2019. - Về tỷ giá ngoại tệ: Tỷ giá và thị trường ngoại tệ về cơ bản ổn định, tâm lý thị trường không xáo trộn, nhất là cân đối cung, cầu ngoại tệ vẫn khá thuận lợi. Trong hơn 04 tháng đầu năm, tỷ giá và thị trường ngoại tệ diễn biến ổn định, tỷ giá giao động trong biên độ 1,3-1,5%. Đồng Việt Nam ổn định hơn nhiều so với đồng tiền của nhiều đối tác thương mại. Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

2.3. Về hỗ trợ giảm chi phí sản xuất kinh doanh

Các chính sách về giảm chi phí đầu vào đã được đề xuất như:

- Bộ Công Thương đã kiến nghị giảm giá điện để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh cho 02 nhóm khách hàng sản xuất và du lịch với tổng số tiền hỗ trợ dự kiến gần 8 nghìn tỷ đồng; đồng thời đã yêu cầu EVN thực hiện hỗ trợ tiền điện từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 cho các cơ sở trực tiếp chống dịch Covid-19 với tổng số tiền hỗ trợ ước khoảng 100 tỷ đồng.

- Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) miễn, giảm giá nhiều dịch vụ hàng không cho tất cả các hãng hàng không (bao gồm cả hãng hàng không quốc tế và hãng hàng không nội địa) đang sử dụng các dịch vụ tại các cảng hàng không của ACV từ ngày 01/3/2020 đến hết tháng 8/2020.

Trong quý I và II năm 2020, không thực hiện điều chỉnh tăng giá đối với các mặt hàng là đầu vào cho sản xuất của doanh nghiệp do Nhà nước định giá; tập trung tái cấu trúc nghiệp vụ các thủ tục hành chính cấp độ 3, 4 tích hợp với Công dịch vụ công quốc gia theo hướng cắt giảm mạnh chi phí và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Các chính sách về miễn, giảm phí, lệ phí đã được ban hành như: Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài. Giảm nhiều khoản phí, lệ phí với mức giảm cao như lệ phí đăng ký Doanh nghiệp, phí công bố thông tin doanh nghiệp, phí thẩm định cấp lại giấy phép hoạt động bưu chính, phí thẩm định cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bưu chính. Rà soát, sửa đổi, điều chỉnh một số Thông tư của Bộ Tài chính quy định về thu phí, lệ phí trong một số ngành như: tài nguyên môi trường, giao thông vận tải, xây dựng, văn hóa du lịch, ...

- Các chính sách về giảm giá hàng hóa, dịch vụ đã được Bộ Tài chính ban hành như: Thông tư số 14/2020/TT-BTC ngày 18/3/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán. Quyết định số 155/QĐ-BTC ngày 07/02/2020 về danh mục các mặt hàng được miễn thuế nhập khẩu phục vụ phòng, chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra. Bộ Tài chính cũng đã xây dựng các kịch bản điều hành giá nhằm thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4%, theo đó đối với các mặt hàng do Nhà nước định giá sẽ không thực hiện điều chỉnh tăng giá khi không đảm bảo các điều kiện quy định; xây dựng kịch bản chi tiết cho việc điều hành giá các mặt hàng thiết yếu, có tác động ảnh hưởng lớn đến CPI như giá xăng dầu, nhóm hàng nông sản, thực phẩm,...

2.4. Về tăng cường xuất khẩu, phát triển thị trường

Bộ Công Thương đã bám sát tình hình, tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ các biện pháp để vừa bảo đảm kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh, vừa xử lý tình trạng ách tắc ở cửa khẩu. Tùy từng thị trường, Bộ Công Thương đã có những biện pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn; chuyển đổi mô hình tổ chức giao thương từ trực tiếp thành trực tuyến, tìm đầu ra cho các mặt hàng nông sản Việt Nam có thể mạnh; tìm kiếm những mặt hàng mới mà thị trường đang có thể mạnh như khẩu trang kháng khuẩn, đồ bảo hộ, buồng khử khuẩn toàn thân,...; hướng dẫn các địa phương, hiệp hội ngành hàng, tổ chức xúc tiến thương mại áp dụng ngay các hình thức xúc tiến thương mại thông qua nền tảng số, môi trường thương mại điện tử, khai thác các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xúc tiến thương mại; trước mắt, ưu tiên triển khai các hoạt động kết nối giao thương trực tuyến giữa các DN Việt Nam với các đối tác có nhu cầu nhập khẩu; đồng thời đẩy nhanh tiến trình, thủ tục, hoàn thành việc trình phê chuẩn hiệp định EVFTA.

Để hỗ trợ các DN giải quyết khó khăn về nguồn cung nguyên liệu, Bộ Công Thương đã chỉ đạo hệ thống Thương vụ/chỉ nhánh Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài rà soát, tìm hiểu thông tin các thị trường có khả năng cung ứng nguồn nguyên liệu cho các ngành sản xuất trong nước; kết nối nguồn nguyên vật liệu cho sản xuất trong nước và giải quyết nguồn xuất khẩu bị đình trệ do ảnh hưởng của dịch bệnh đối với các nhóm hàng dệt may, da giày, hóa chất, nhựa,...

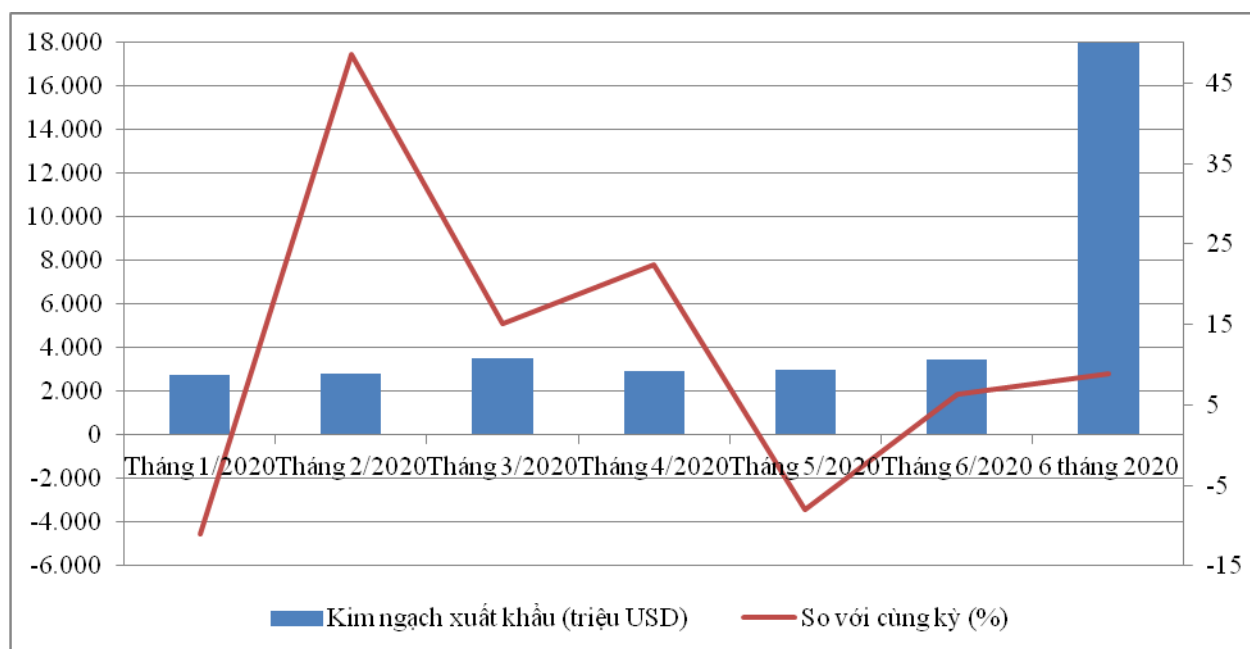
III. TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt **38,96 tỷ USD**, tăng 4,77% so với cùng kỳ. Cán cân xuất nhập khẩu của Thành phố trong 6 tháng đầu năm ước tính nhập siêu 2,11 tỷ USD (giảm 37,19% so với cùng kỳ).

1. Tác động của Covid-19 đến xuất khẩu Thành phố 6 tháng đầu năm 2020

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 18,41 tỷ USD, tăng 8,93% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt 5,6 tỷ USD (giảm 6,23% so với cùng kỳ), chiếm 30,42% kim ngạch xuất khẩu của Thành phố và kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 12,81 tỷ USD (tăng 17,2% so với cùng kỳ), chiếm 69,58% kim ngạch xuất khẩu của Thành phố. Điều này chứng tỏ các doanh nghiệp FDI tiếp tục hoạt động có hiệu quả, tận dụng tốt các cơ hội từ thị trường trên thế giới.

Biểu. Kim ngạch xuất khẩu của Thành phố theo tháng trong 6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Sở Công Thương.

So với cùng kỳ, xuất khẩu của Thành phố tăng trưởng cao nhất vào tháng 2, với mức tăng 48,6% và giảm mạnh nhất vào tháng 1 (giảm 11,01%) và tháng 5 (giảm 7,99%). So với tháng liền kề trước, xuất khẩu Thành phố có sự sụt giảm mạnh vào tháng 4 với mức giảm 17,49% so với tháng 3; đây cũng là thời điểm mà Việt Nam thực hiện cách ly xã hội với các biện pháp giãn cách nghiêm ngặt nhất. Các tháng còn lại đều có sự tăng trưởng trong kim ngạch xuất khẩu với tháng 3 tăng 25,78% so với tháng 2, tháng 6 tăng 16,22% so với tháng 5.

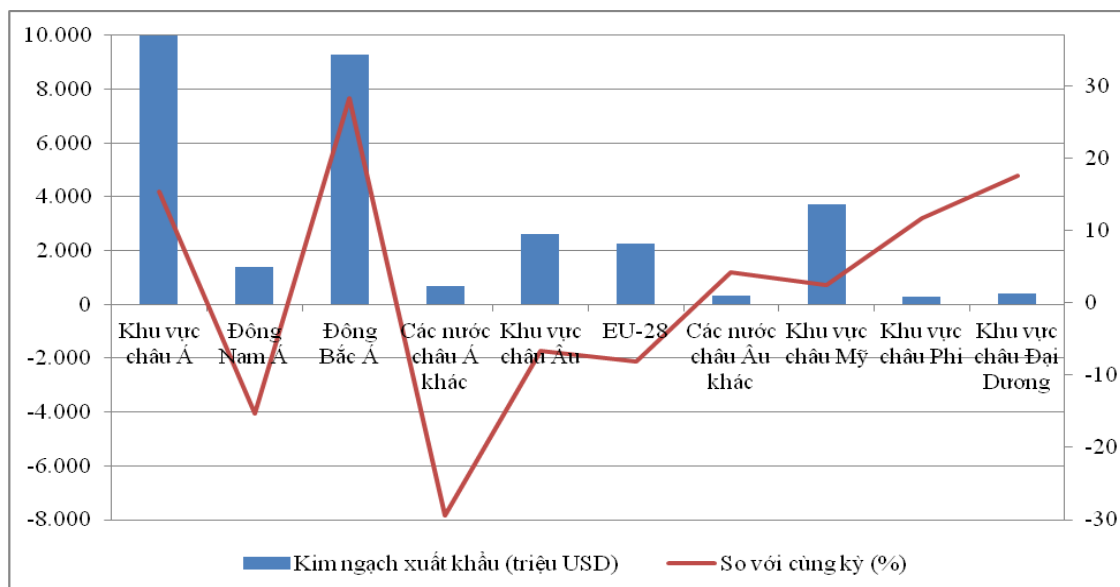
1.1. Về thị trường xuất khẩu

Tình hình xuất khẩu của Thành phố sang các thị trường phân theo khu vực và theo quốc gia trong 6 tháng đầu năm 2020 có một số điểm nổi bật và đáng lưu ý như sau:

1.1.1. Theo khu vực

Châu Âu là khu vực duy nhất mà Thành phố có sự sụt giảm về kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ (giảm 6,69%); các khu vực khác đều có mức tăng trưởng so với cùng kỳ như châu Á tăng 15,37%, châu Mỹ tăng 2,51%, châu Phi tăng 11,75% và châu Đại Dương tăng 17,54%. Cụ thể:

Biểu. Tình hình xuất khẩu của Thành phố sang các khu vực 06 tháng đầu năm 2020



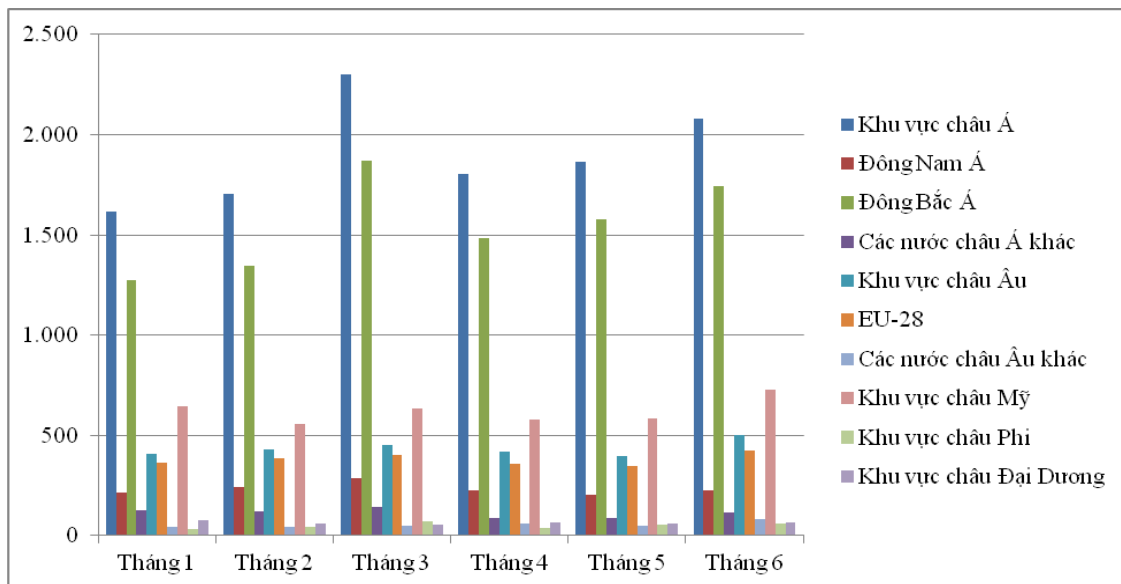
Nguồn: Tổng hợp trên số liệu của Sở Công Thương, 2020.

- **Khu vực châu Á:** chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kim ngạch xuất khẩu của Thành phố với 61,79% tổng kim ngạch xuất khẩu. Ở khu vực này, chỉ có Đông Bắc Á là có kim ngạch tăng trưởng 28,35% so với cùng kỳ (chiếm 50,47% kim ngạch xuất khẩu của Thành phố), các khu vực còn lại đều sụt giảm với Đông Nam Á giảm 15,25% và các nước châu Á khác giảm 29,42%. Tuy nhiên, nhờ tăng trưởng của Đông Bắc Á đã giúp kéo mức tăng trưởng toàn khu vực châu Á lên 15,37% so với cùng kỳ.

- **Khu vực châu Âu:** chiếm tỷ trọng 14,16% kim ngạch xuất khẩu của Thành phố. Khu vực này sụt giảm 6,69% trong xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ; đặc biệt là ở khu vực EU-28 với mức giảm 8,08% so với cùng kỳ, các nước châu Âu khác lại có sự tăng trưởng với 4,21%.

Xét về diễn biến xuất khẩu của Thành phố sang các khu vực 6 tháng đầu năm 2020 cho thấy:

Biểu. Tình hình xuất khẩu của Thành phố sang các khu vực theo tháng trong 6 tháng đầu năm 2020 (triệu USD)



Nguồn: Tổng hợp trên số liệu của Sở Công Thương, 2020.

- **Khu vực châu Á:** So với cùng kỳ, xuất khẩu của Thành phố vào khu vực châu Á tăng trưởng cao nhất vào tháng 2 (tăng 50,71%), tháng 4 (tăng 30,98%) và giảm mạnh nhất vào tháng 1 (giảm 1,72%) và tháng 5 (giảm 0,89%). Đông Bắc Á là khu vực có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng qua các tháng so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, các nước châu Á khác lại có kim ngạch sụt giảm qua các tháng so với cùng kỳ năm 2019.

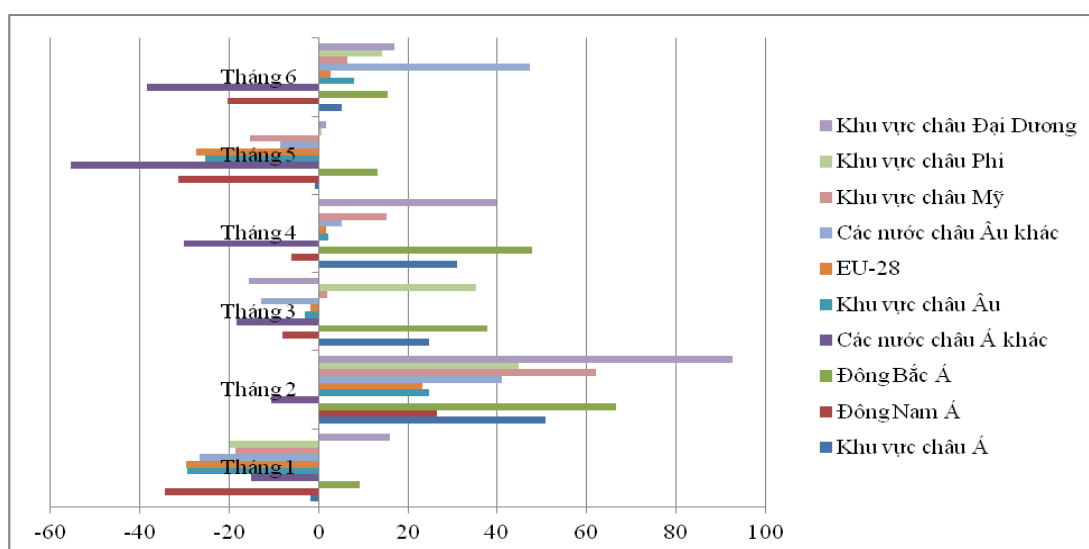
- **Khu vực châu Âu:** So với cùng kỳ, xuất khẩu của Thành phố vào khu vực này tăng trưởng cao nhất vào tháng 2 (tăng 24,78%) và giảm mạnh nhất vào tháng 1 (giảm 29,41%) và tháng 5 (giảm 25,34%). Trong đó, EU-28 là khu vực có nhiều biến động qua các tháng.

- **Khu vực châu Mỹ:** So với cùng kỳ, xuất khẩu của Thành phố vào khu vực này tăng trưởng cao nhất vào tháng 2 (tăng 61,98%) và giảm mạnh nhất vào tháng 1 (giảm 18,7%)

- **Khu vực châu Phi:** So với cùng kỳ, xuất khẩu của Thành phố vào khu vực này tăng trưởng cao nhất vào tháng 2 (tăng 44,88%) và giảm mạnh nhất vào tháng 1 (giảm 19,95%)

- **Khu vực châu Đại Dương:** So với cùng kỳ, xuất khẩu của Thành phố vào khu vực này tăng trưởng cao nhất vào tháng 2 (tăng 92,68%) và giảm mạnh nhất vào tháng 3 (giảm 15,69%)

Biểu. Tình hình xuất khẩu của Thành phố sang các khu vực so với cùng kỳ theo tháng trong 6 tháng đầu năm 2020 (%)



Nguồn: Tổng hợp trên số liệu của Sở Công Thương, 2020.

Trong đó, phân tích theo từng tháng cho thấy:

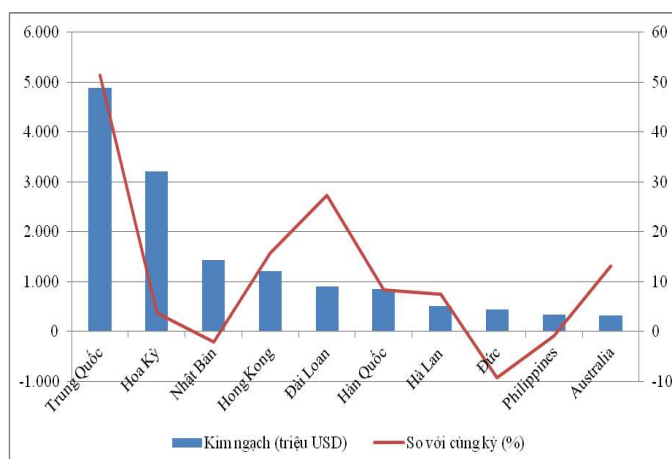
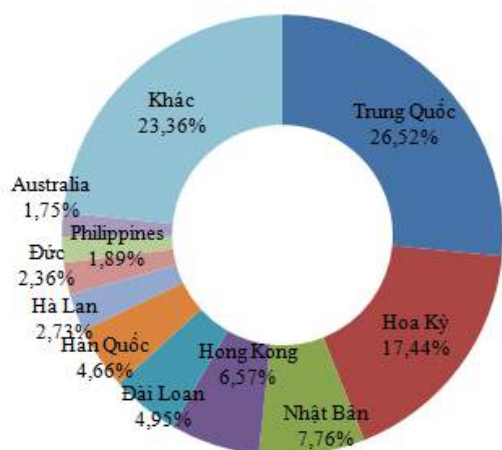
- **So với cùng kỳ:** Tháng 2 là tháng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng cao nhất so với cùng kỳ ở các khu vực; chỉ trừ sự sụt giảm ở khu vực các nước châu Á khác, các khu vực còn lại đều tăng trưởng từ 23,18% đến 92,64%. Tháng 1 là tháng có kim ngạch xuất khẩu sụt giảm nhiều nhất so với cùng kỳ.

- **So với tháng trước:** Tháng 4 là tháng có kim ngạch sụt giảm nhiều nhất so với tháng trước, chỉ trừ khu vực các nước châu Âu khác có tăng trưởng giữa tháng 3 và tháng 4 với mức tăng 22,48% so với tháng trước; các khu vực đều sụt giảm đặc biệt là châu Phi giảm 46,97% so với tháng trước và các nước khu vực châu Á với Đông Nam Á giảm 21%, Đông Bắc Á giảm 20,47%, các nước châu Á khác giảm 33,5% so với tháng trước đó. Nguyên nhân là do đây là thời điểm bùng phát dịch Covid-19 ở khu vực châu Á với hàng loạt các biện pháp hạn chế do Chính phủ các nước đề ra. Trong đó, gồm cả các biện pháp hạn chế về thương mại, xuất nhập khẩu đã bắt đầu được các nước đưa ra và thực hiện từ tháng 3 dẫn đến ảnh hưởng và tác động trong tháng 4 như: hạn ngạch xuất khẩu đối với gạo của Việt Nam (thực hiện từ 25/3/2020-01/5/2020), Iraq bổ sung điều kiện nhập khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp (từ ngày 02/4/2020), Indonesia yêu cầu chứng chỉ đối với vật nuôi sống (21/4/2020), cấm nhập các loại động vật hoang dã như Trung Quốc, Hàn Quốc,... Từ tháng 5 trở đi, sau khi các quốc gia bắt đầu gỡ bỏ các hạn chế, hoạt động xuất khẩu đã cải thiện với mức tăng trưởng qua các tháng 5 và tháng 6.

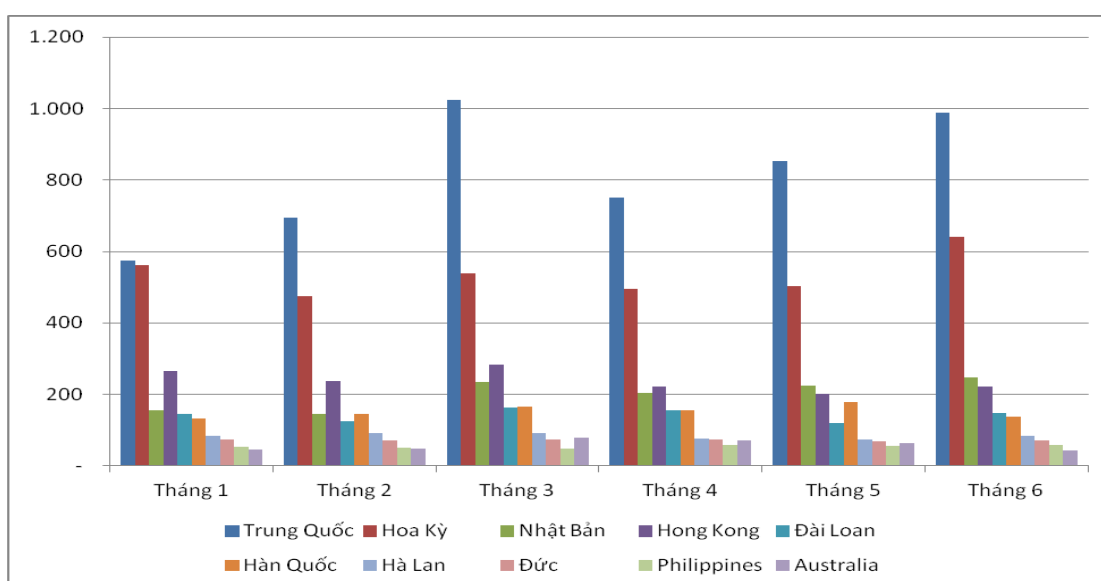
1.1.2. Theo quốc gia/thị trường

Trong 6 tháng đầu năm, chỉ có 7/10 thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Thành phố có tăng trưởng so với cùng kỳ; 3 thị trường còn lại có sự sụt giảm gồm Đức (giảm 9,26%), Nhật Bản (giảm 2,07%) và Philippines (giảm 0,8%).

Biểu 2: Top 10 thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Thành phố 6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu của Sở Công Thương, 2020.



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu của Sở Công Thương, 2020.

Thứ tự Top 10 thị trường xuất khẩu của Thành phố trong 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước cũng không có nhiều biến đổi về thứ tự xếp hạng và thành viên. Top 3 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Thành phố trong 6 tháng đầu năm vẫn theo thứ tự là Trung Quốc, Hoa Kỳ và Nhật Bản. Ở cùng kỳ năm trước, Ấn Độ là thị trường xuất khẩu lớn thứ 8 của Thành phố thì trong 6 tháng đầu năm 2020 đã sụt giảm 53,54% so với cùng kỳ; trong khi đó, Australia lại là thị trường có tăng trưởng với mức tăng 13,16% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài Hoa Kỳ và Đài Loan thì các thị trường còn lại đều có FTA với Việt Nam, điều này cho thấy doanh nghiệp Thành phố đã tận dụng khá tốt các FTA trong hoạt động xuất khẩu.

Tóm lại, so với cùng kỳ, tình hình xuất khẩu của Thành phố theo thị trường 6 tháng đầu năm 2020 được tổng hợp như sau:

- **Nhóm thị trường có sự tăng trưởng so với cùng kỳ:** Trung Quốc (tăng 51,39%), Đài Loan (tăng 27,23%), Hongkong (tăng 15,72%), Hàn Quốc (tăng 8,33%), Australia (tăng 13,16%), Hoa Kỳ (tăng 3,78%), Hà Lan (7,49%), Nga (9,82%)...
- **Nhóm thị trường có sự sụt giảm so với cùng kỳ:** Nhật Bản (-2,07%), Thái Lan (giảm 5%), Malaysia (giảm 6,99%), Singapore (giảm 31,33%), Campuchia (giảm 41,51%), Indonesia (giảm 14,93%), Ấn Độ (giảm 53,54%), EU-28 (Đức (giảm

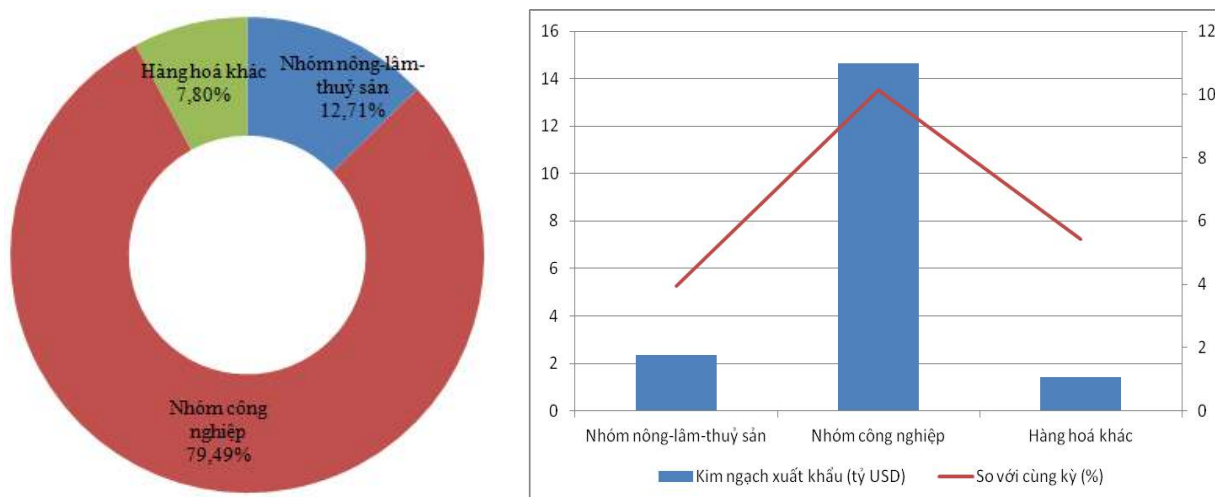
9,26%), Anh (giảm 20,48%), Pháp (giảm 11,27%), Bỉ (giảm 25,72%), Italia (giảm 4,16%), Tây Ban Nha (giảm 36,89%)...

- **Nhóm thị trường ổn định, ít biến động so với cùng kỳ:** Canada (tăng 0,95%), New Zealand (tăng 0,84%), Philippines (giảm 0,8%)

1.2. Về mặt hàng xuất khẩu

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu qua cảng Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020 của doanh nghiệp Thành phố (loại trừ dầu thô) gồm:

Biểu. Cơ cấu và tình hình xuất khẩu của Thành phố theo nhóm hàng 6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu của Sở Công Thương, 2020.

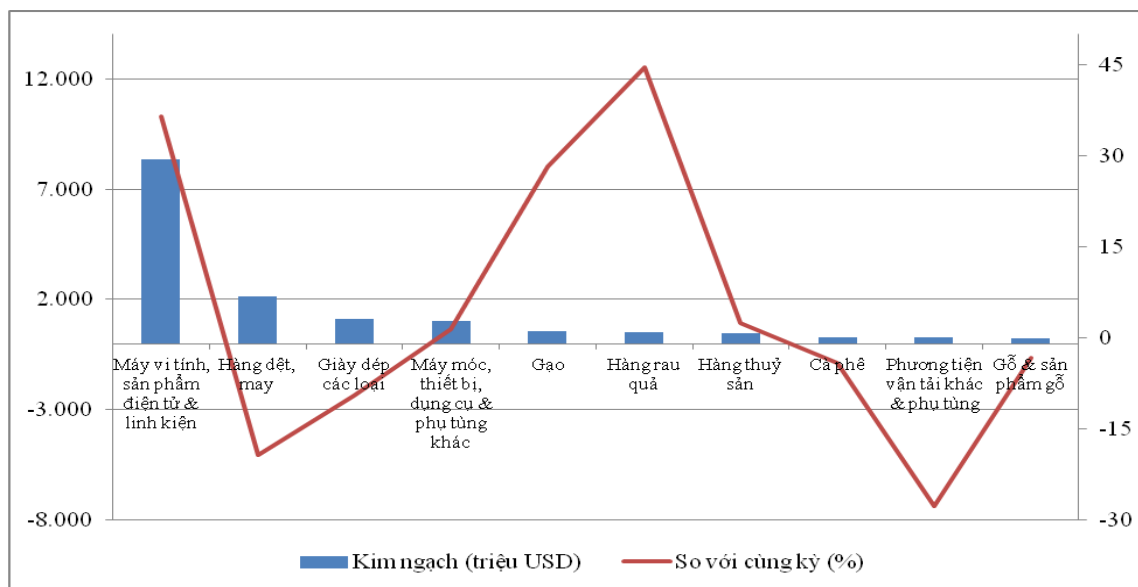
- **Nhóm hàng nông-lâm-thủy sản:** Kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng nông-lâm-thủy sản trong 6 tháng đầu năm ước đạt 2,34 tỷ USD, tăng 3,94% so với cùng kỳ. Trong đó, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hàng nông-lâm-thủy sản của khu vực kinh tế trong nước là chủ yếu, ước đạt 2,2 tỷ USD (tăng 4,6% so với cùng kỳ), chiếm 94,1% kim ngạch xuất khẩu trong nhóm hàng. Kim ngạch xuất khẩu hàng nông-lâm-thủy sản của khu vực kinh tế FDI đạt 138,17 triệu USD (giảm 5,47% so với cùng kỳ).

- **Nhóm hàng công nghiệp:** Kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng công nghiệp trong 6 tháng đầu năm ước đạt 14,63 tỷ USD, tăng 10,13% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của khu vực kinh tế FDI lại đóng góp phần lớn với 11,9 tỷ USD (tăng 18,74% so với cùng kỳ), chiếm 81,32% kim ngạch xuất khẩu trong nhóm hàng. Ngược lại, kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của khu vực kinh tế trong nước có sự sụt giảm, ước đạt 2,73 tỷ USD (giảm 16,3% so với cùng kỳ).

- **Hàng hóa khác:** Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng hóa khác trong 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,44 tỷ USD, tăng 5,44% so với cùng kỳ.

Trong các mặt hàng xuất khẩu của Thành phố 6 tháng đầu năm, “Quặng và khoáng sản khác” là mặt hàng có mức tăng trưởng cao nhất nhưng kim ngạch thấp, ước đạt 1,29 triệu USD (tăng 3.117% so cùng kỳ); “Đồng” là mặt hàng có mức sụt giảm sâu nhất với kim ngạch ước đạt 9,37 triệu USD, giảm 86,9% so với cùng kỳ. Đáng lưu ý là mặt hàng “Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện” có kim ngạch xuất khẩu cao nhất là 8,33 tỷ USD với tốc độ tăng đến 36,48% so cùng kỳ.

Bảng 1: Top 10 mặt hàng xuất khẩu của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu của Sở Công Thương.

Tình hình xuất khẩu của Top 10 mặt hàng xuất khẩu của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ:

- Nhóm mặt hàng có tăng trưởng so với cùng kỳ:

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện: Trong 6 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng ước đạt 8,33 tỷ USD (tăng 36,48% so với cùng kỳ), chiếm 45,25% kim ngạch xuất khẩu của Thành phố. Ngoại trừ tháng 4 có sự sụt giảm 22,74% so với tháng 3, tốc độ tăng trưởng của mặt hàng này so với các tháng trước luôn tăng trưởng, cao nhất là tháng 3 với mức tăng 40,65% so với tháng 2. Trong 6 tháng đầu năm, khi các doanh nghiệp FDI tiếp tục phát triển với mức tăng 38,63% so với cùng kỳ thì các doanh nghiệp trong nước lại sụt giảm 77,23% so với cùng kỳ. Mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao chủ yếu do thực hiện các đơn hàng trước đây và việc hưởng lợi từ các căng thẳng thương mại giữa các nước trên thế giới, trong đó các doanh nghiệp FDI tiếp tục gia tăng cơ cấu chiếm tỷ trọng đến 99,69%. Tuy nhiên chuỗi giá trị toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề do sự bùng phát của dịch cúm khiến nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường Mỹ và châu Âu sụt giảm.

+ Gạo: Kim ngạch xuất khẩu gạo của Thành phố trong 6 tháng đầu năm ước đạt 576,12 triệu USD, tăng 28,24% so với cùng kỳ. Diễn biến tình hình xuất khẩu gạo qua các tháng có nhiều biến động, trong đó, tăng trưởng nhanh nhất vào tháng 3 (tăng 109,53% so với tháng 2) và sụt giảm mạnh nhất vào tháng 6 (giảm 56,24% so với tháng 5). Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nhiều quốc gia buộc phải tăng cường dự trữ gạo nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Nhu cầu lúa gạo toàn cầu được dự báo vẫn còn ở mức cao trong thời gian tới. Cộng với việc hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu của nhiều quốc gia đang bị ảnh hưởng tiêu cực như Thái Lan có sự thiếu hụt do hạn hán kéo dài, tình trạng phong tỏa ở Ấn Độ... nên nguồn cung gạo được dự báo phần nào sẽ trở nên khan hiếm hơn trước.

+ Hàng rau quả: Kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Thành phố trong 6 tháng đầu năm ước đạt 535,35 triệu USD, tăng 44,64% so với cùng kỳ; trong đó, tăng trưởng đến từ cả khu vực kinh tế trong nước (tăng 44,91% so với cùng kỳ) và khu vực kinh tế FDI (tăng 34,15% so với cùng kỳ). Tháng 2 là tháng có tốc độ tăng trưởng cao nhất (tăng 44,43% so

với tháng 1), sau đó sụt giảm dần qua các tháng, đặc biệt là tháng 5 giảm 34,75% so với tháng 4. Hàng rau quả ngoài xuất sang thị trường gần là Trung Quốc, đã mở rộng sang các thị trường lân cận khác như Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ.

+ **Hàng thủy sản:** Kim ngạch xuất khẩu của hàng thủy sản trong 6 tháng đầu năm ước đạt 493,6 triệu USD, tăng 2,47% so với cùng kỳ. Trong khi khu vực kinh tế trong nước có tăng trưởng 3,34% so với cùng kỳ thì khu vực FDI lại sụt giảm mạnh 18,42% so với cùng kỳ. Ngoài tháng 2 ghi nhận sụt giảm 26,85% so với tháng 1, các tháng còn lại đều tăng trưởng xuất khẩu mặt hàng này, với mức cao nhất là 47,33% vào tháng 3 so với tháng 2. Xuất khẩu thủy sản giảm chủ yếu do xuất khẩu cá tra, basa, chả cá, cá ngừ, cá khô... giảm, trong khi xuất khẩu tôm, cá đông lạnh, mực... tăng. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP), dịch Covid-19 bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trên toàn cầu đã khiến cho tiêu thụ thủy sản giảm, xu hướng tiêu dùng thay đổi, đơn đặt hàng giảm từ 35% đến 50%. Cùng với đó, giãn cách xã hội khiến sản xuất trong nước và thương mại quốc tế đình trệ, doanh nghiệp bị thiếu nguyên liệu chế biến, vận tải và thanh toán khó khăn dẫn đến thiếu vốn để duy trì và phục hồi hoạt động.

- Nhóm mặt hàng có sự sụt giảm so với cùng kỳ:

+ **Hàng dệt, may:** Kim ngạch xuất khẩu của hàng dệt, may trong 6 tháng đầu năm ước đạt 2,16 tỷ USD, giảm 19,14% so với cùng kỳ, trong đó sự sụt giảm đến từ cả khu vực kinh tế trong nước (giảm 21,9% so với cùng kỳ) và khu vực FDI (giảm 15,67% so với cùng kỳ). Qua các tháng, kim ngạch hàng dệt may sụt giảm mạnh nhất vào tháng 4 (giảm 24,37% so với tháng 3) và có dấu hiệu phục hồi với tăng trưởng cao nhất vào tháng 6 (tăng 28,27% so với tháng 5). Đại diện Bộ Công Thương nhận định, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, trong 6 tháng đầu năm, tình hình sản xuất, xuất khẩu của ngành dệt may gặp rất nhiều khó khăn về thiếu hụt nguồn nguyên liệu. Cùng với đó, đơn hàng xuất khẩu giảm mạnh do bị hoãn, hủy đơn hàng, giãn tiến độ giao hàng và chậm thanh toán; các đơn hàng giao trong tháng 3 đều bị lùi xuống tháng 4, tháng 5. Bên cạnh đó, sự phục hồi của nguồn cung trong bối cảnh nhu cầu giảm có thể khiến giá sản phẩm dệt may trên toàn thế giới giảm 20%, càng khiến doanh thu của doanh nghiệp dệt may giảm thấp hơn². Nhiều doanh nghiệp còn chuyển sang may khẩu trang với các đơn hàng khẩu trang đến hết quý III/2020 nhưng biên lợi nhuận chưa được cao do có tới 80% các đơn hàng làm khẩu trang theo hình thức gia công, chưa tạo được nhiều giá trị thặng dư như đơn hàng FOB, ODM. Hơn nữa, khi xuất khẩu khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động giảm sẽ khiến doanh nghiệp còn khó khăn hơn nữa vào những tháng cuối năm³.

+ **Giày dép các loại:** Kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng giày dép trong 6 tháng đầu năm ước đạt 1,12 tỷ USD, giảm 9,41% so với cùng kỳ, trong đó sự sụt giảm đến từ cả khu vực kinh tế trong nước (giảm 18,16% so với cùng kỳ) và khu vực FDI (giảm 7,61% so với cùng kỳ). Từ tháng 1 đến tháng 5, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng luôn sụt giảm so với tháng trước đó, trong đó giảm mạnh nhất vào tháng 4 (giảm 9,71% so với tháng 3); tháng 6 là tháng duy nhất có sự tăng trưởng so với tháng trước đó với mức tăng 9,47% so với tháng 5. Cũng giống như ngành dệt may, ngành sản xuất, xuất khẩu giày dép là ngành chịu tác động tiêu cực do tác động của dịch bệnh COVID-19. Các doanh nghiệp sản xuất gặp khó khăn kép từ cả hai phía, bao gồm thiếu hụt nguồn nguyên liệu nhập khẩu và xuất

²

<https://vietnambiz.vn/xuat-khau-det-may-da-giay-go-ki-vong-tai-khoi-dong-trong-6-thang-cuoi-nam-20200723073402283.htm>

³ <https://vinatex.com.vn/du-bao-tinh-hinh-thi-truong-det-may-6-thang-cuoi-nam-2020/>

khẩu bị gián đoạn tại các thị trường xuất khẩu chính nhất là thị trường Mỹ, châu Âu. Điều này khiến cho kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm giảm sâu so với cùng kỳ⁴.

+ **Phương tiện vận tải khác & phụ tùng:** Kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng ước đạt 268,02 triệu USD, giảm 27,58% so với cùng kỳ. Tăng trưởng của khu vực trong nước (tăng 26,9% so với cùng kỳ) không đủ bù đắp được phần sụt giảm mạnh từ khu vực FDI với mức giảm 43,29% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính của việc sụt giảm mạnh là do tình trạng dịch bệnh phức tạp buộc các quốc gia trên toàn thế giới phải áp dụng biện pháp hạn chế đi lại, nhiều nơi đóng cửa giao thông từ đường thủy, đường bộ tới đường hàng không.

+ **Gỗ & sản phẩm gỗ:** Kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng ước đạt 261,08 triệu USD, giảm 3,26% so với cùng kỳ; mức sụt giảm chủ yếu đến từ khu vực FDI với giảm 9,73% so với cùng kỳ, trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước vẫn tăng trưởng (tăng 1,16% so với cùng kỳ). Ngành đồ gỗ gặp khó khăn kếp khi từ ngày 01/3/2020, Bộ Thương mại Hoa Kỳ chính thức tiếp nhận đơn khởi kiện của Liên minh thương mại công bằng gỗ dán cứng Hoa Kỳ về điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp sản phẩm đối với các mặt hàng ván dán và các sản phẩm gỗ có sử dụng ván dán xuất khẩu từ Việt Nam⁵. Mặc dù nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu dăm gỗ phục vụ sản xuất của Trung Quốc tăng cao nhưng các doanh nghiệp trong ngành gỗ hiện vẫn đối mặt với nhiều thách thức do diễn biến dịch bệnh trên thế giới vẫn rất phức tạp và chưa được kiểm soát tốt, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính như Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU. Vì vậy, triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong quý 3/2020 vẫn chưa khả quan.

+ **Cà phê:** Kim ngạch xuất khẩu của cà phê trong 6 tháng đầu năm ước đạt 288,07 triệu USD, giảm 4,05% so với cùng kỳ; trong đó, sụt giảm cả khu vực kinh tế trong nước (giảm 2,92% so với cùng kỳ) và khu vực FDI (giảm 7,79% so với cùng kỳ). Xét diễn biến xuất khẩu mặt hàng qua các tháng cho thấy rõ hơn sự sụt giảm do tháng 5 với giảm 40,5% so với tháng 4, trong khi các tháng còn lại đều ghi nhận tăng trưởng so với tháng trước. Nhu cầu tiêu thụ yếu còn do căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ - Trung Quốc; giữa Hoa Kỳ - EU khiến sức mua trên thị trường hàng hóa nông sản thấp. Mối lo làn sóng dịch COVID-19 lần 2 ngày càng gia tăng đã tác động tiêu cực lên thị trường cà phê. Giá cà phê trong nước giảm xuống mức thấp, người dân không muốn bán ra dẫn đến thương nhân và nhà xuất khẩu gặp khó khăn trong việc thu mua cà phê để xuất khẩu.

- Nhóm mặt hàng ổn định, ít chịu tác động

+ **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng khác:** Kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng ước đạt 1,04 tỷ USD, tăng 1,52% so với cùng kỳ. Trong đó, sự tăng trưởng đến từ đóng góp của khu vực FDI với mức tăng 2,07% so với cùng kỳ, khu vực trong nước lại sụt giảm 1,25% so với cùng kỳ. Xét về nguyên nhân trực tiếp, xuất khẩu ngành này tăng chủ yếu do sự điều tiết của thị trường toàn cầu, phần lớn do khu vực FDI.⁶ Trong số các mặt hàng nhóm này có các sản phẩm máy móc, thiết bị ngành y tế, nhờ nhu cầu tăng vọt cộng với lợi thế về mặt uy tín, hình ảnh là nơi kiểm soát tốt dịch bệnh.

Ngoài ra, một số mặt hàng ổn định, ít chịu ảnh hưởng so với cùng kỳ còn có:

⁴ <https://vietnambiz.vn/xuat-khau-det-may-da-giay-go-ki-vong-tai-khoi-dong-trong-6-thang-cuoi-nam-20200723073402283.htm>

⁵ <https://baodautu.vn/dich-covid-19-tac-dong-ra-sao-toi-nganh-xuat-khau-lon-d119450.html>

⁶ <http://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/xuat-khau-diem-sang-kinh-te-trong-boi-can-dich-covid19-tan-dung-tot-thoi-co-320972.html>

+ **Túi xách, ví, va li, mũ & ô dù:** kim ngạch xuất khẩu đạt 243,83 triệu USD, tăng 0,78% so với cùng kỳ. Trong đó, có sự trái ngược nhau trong xu hướng giữa 2 khu vực kinh tế, nếu khu vực trong nước tăng trưởng 17,62% so với cùng kỳ thì khu vực FDI lại sụt giảm 17,71% so với cùng kỳ.

+ **Sản phẩm gỗ:** kim ngạch xuất khẩu đạt 226,23 triệu USD, tăng 1,81% so với cùng kỳ. Nhờ sự bù đắp của khu vực kinh tế trong nước (tăng 12,05% so với cùng kỳ) đã giúp mặt hàng tăng trưởng dù khu vực FDI sụt giảm 10,11% so với cùng kỳ.

+ **Giấy & các sản phẩm từ giấy:** kim ngạch xuất khẩu đạt 28,26 triệu USD, giảm 0,28% so với cùng kỳ.

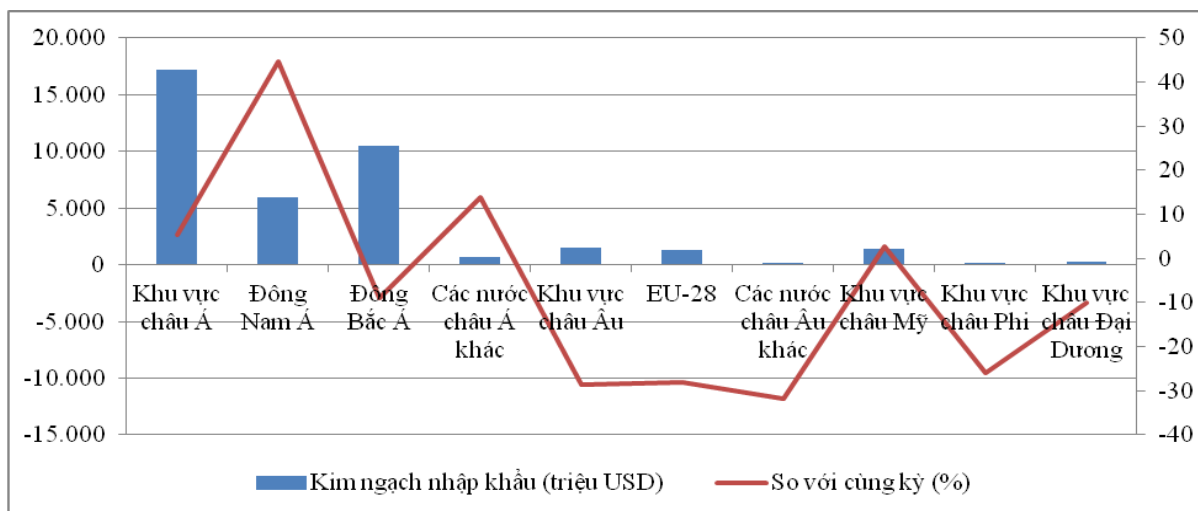
2. Tác động của Covid-19 đến nhập khẩu Thành phố 6 tháng đầu năm 2020

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 20,52 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt 9,38 tỷ USD (giảm 13,48% so với cùng kỳ), chiếm 45,72% kim ngạch nhập khẩu của Thành phố và kim ngạch nhập khẩu của khu vực kinh tế FDI đạt 9,75 tỷ USD (tăng 18,32% so với cùng kỳ), chiếm 54,28% kim ngạch nhập khẩu của Thành phố.

2.1. Về thị trường nhập khẩu

Thị trường nhập khẩu hàng hóa theo các khu vực của Thành phố trong 4 tháng đầu năm 2020 có một số điểm nổi bật như sau:

Biểu. Kim ngạch nhập khẩu của Thành phố từ các khu vực trong 6 tháng 2020



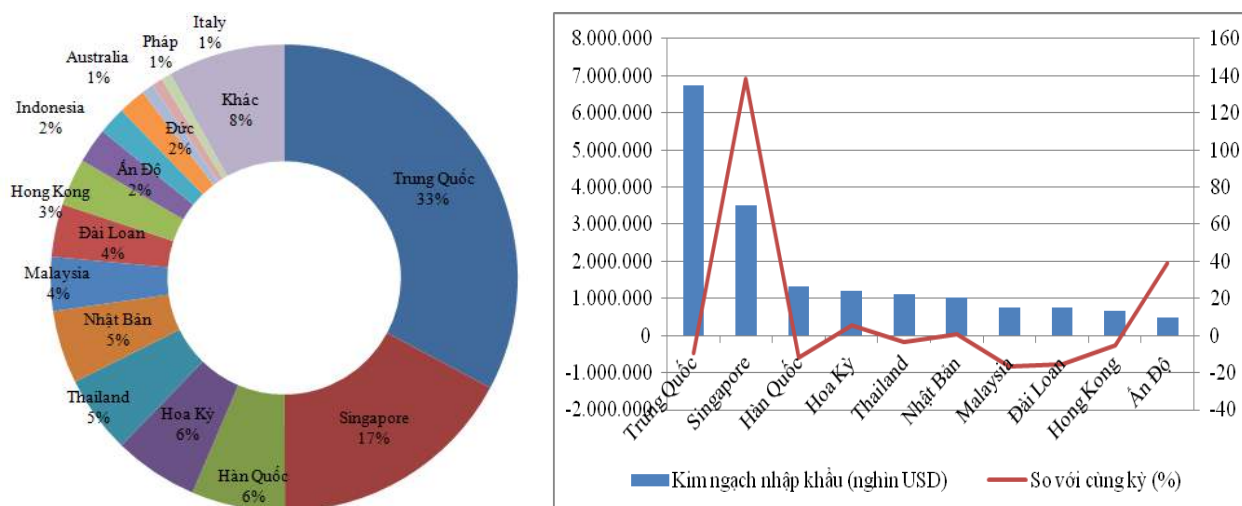
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Sở Công Thương.

- **Khu vực châu Á** – khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kim ngạch nhập khẩu của Thành phố với 83,79% tổng kim ngạch nhập khẩu. Kim ngạch nhập khẩu của khu vực đạt 16,31 tỷ USD, tăng 5,42% với cùng kỳ. Tuy nhiên, trái ngược với xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu từ các nước Đông Bắc Á giảm 9,05% so với cùng kỳ (kim ngạch nhập khẩu đạt 11,56 tỷ USD); trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu từ Đông Nam Á tăng 44,75% (kim ngạch đạt 4,12 tỷ USD) và các nước châu Á khác tăng 14,01% (kim ngạch đạt 625,28 triệu USD) so với cùng kỳ;

- Tương đồng với xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu từ khu vực châu Âu đạt 2,05 tỷ USD, giảm 28,53% so với cùng kỳ; sự sụt giảm đến từ cả khu vực EU-28 (kim ngạch đạt 1,82 tỷ USD, giảm 28,12% so với cùng kỳ) và các nước châu Âu khác (kim ngạch đạt 229,59 triệu USD, giảm 31,78% so với cùng kỳ);

- Khu vực châu Mỹ: kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng so với cùng kỳ với kim ngạch đạt 1,41 tỷ USD, tăng 2,77%;
- Các khu vực còn lại đều có sụt giảm kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ với châu Phi giảm 26,02% (kim ngạch đạt 170,04 triệu USD), châu Đại Dương giảm 10,08% (kim ngạch đạt 318,96 triệu USD).

Biểu . Top 10 thị trường nhập khẩu của Thành phố 6 tháng đầu năm 2020



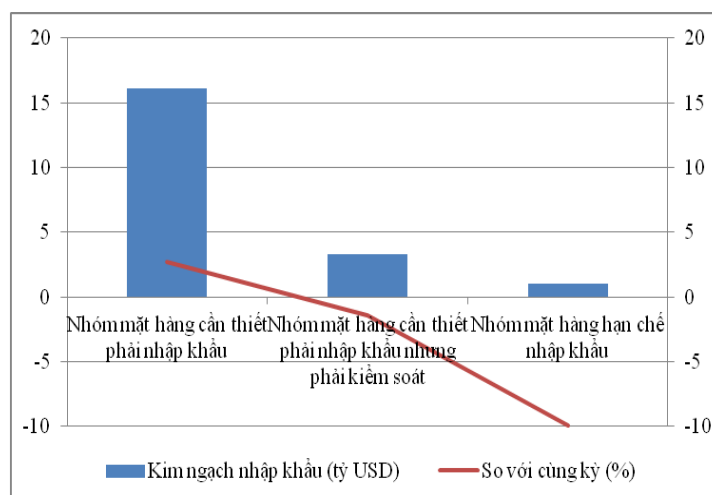
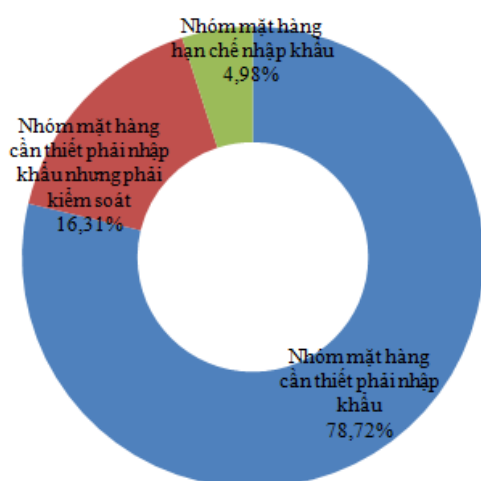
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Sở Công Thương.

- 6/10 thị trường nhập khẩu lớn nhất của Thành phố đều có mức sụt giảm về kim ngạch nhập khẩu; các thị trường sụt giảm chủ yếu tập trung ở khu vực Đông Bắc Á. 04 thị trường nhập khẩu có sự tăng trưởng so với cùng kỳ là Singapore (tăng 138,67%), Hoa Kỳ (tăng 5,76%), Nhật Bản (tăng 0,61%) và Ấn Độ (tăng 38,91%);
- Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Thành phố với kim ngạch ước đạt 6,73 tỷ USD (chiếm 32,8% tổng kim ngạch nhập khẩu), giảm 9,34% so với cùng kỳ;
- Singapore là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2, đồng thời, có mức tăng trưởng nhập khẩu cao nhất so với cùng kỳ (tăng 138,67%), với kim ngạch ước đạt 3,52 tỷ USD, chiếm 17,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của Thành phố;
- Malaysia là thị trường nhập khẩu có mức sụt giảm cao nhất trong top 10 thị trường, với kim ngạch đạt 766,77 triệu USD, giảm 16,78% so với cùng kỳ.

2.2. Về mặt hàng nhập khẩu

Ngoại trừ nhóm mặt hàng cần thiết phải nhập khẩu có sự tăng trưởng, kim ngạch nhập khẩu phân theo các nhóm hàng còn lại đều sụt giảm so với cùng kỳ, cụ thể:

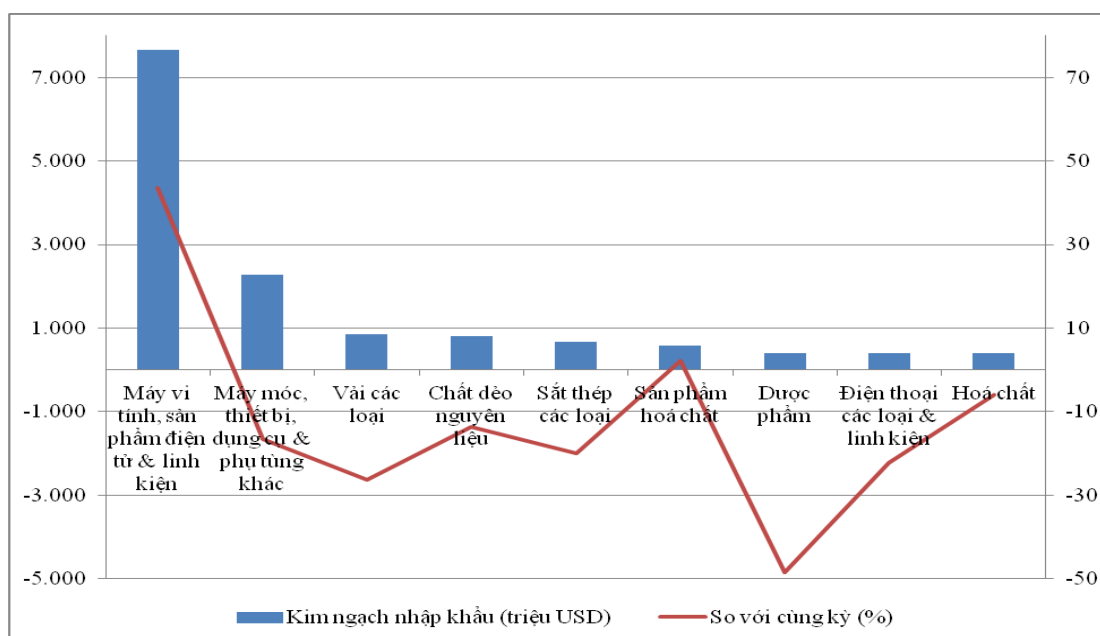
Biểu. Kim ngạch nhập khẩu của Thành phố theo nhóm mặt hàng trong 6 tháng năm 2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Sở Công Thương.

- **Nhóm mặt hàng cần thiết phải nhập khẩu:** Kim ngạch nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2020 ước đạt 16,15 tỷ USD (tăng 2,69% so với cùng kỳ), chiếm 78,71% kim ngạch nhập khẩu của Thành phố. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 6,4 tỷ USD (giảm 17,53% so với cùng kỳ) và khu vực kinh tế FDI ước đạt 9,75 tỷ USD (tăng 22,4% so với cùng kỳ);
- **Nhóm mặt hàng cần thiết phải nhập khẩu nhưng phải kiểm soát:** Kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng trong 6 tháng năm 2020 ước đạt 3,35 tỷ USD, giảm 1,39% so với cùng kỳ;
- **Nhóm mặt hàng hạn chế nhập khẩu:** Kim ngạch nhập khẩu của nhóm hàng trong 4 tháng ước đạt 739,64 triệu USD, tăng 7,62% so với cùng kỳ.

Biểu. Top 10 mặt hàng nhập khẩu của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Sở Công Thương TP.HCM.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, phần lớn kim ngạch nhập khẩu của Top 10 mặt hàng nhập khẩu của Thành phố đều có sự sụt giảm so với cùng kỳ, cụ thể như sau:

- **Nhóm mặt hàng tăng trưởng so với cùng kỳ:**

+ **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** Đây là mặt hàng nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng cao nhất của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020. Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm của mặt hàng ước đạt 7,65 tỷ USD, tăng 43,47% so với cùng kỳ. Trong đó, cả khu vực kinh tế trong nước và khu vực FDI đều có tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng lần lượt là 14,84% và 45,59% so với cùng kỳ.

+ **Sản phẩm hoá chất:** Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng ước đạt 580,67 triệu USD, tăng 2,15% so với cùng kỳ; tăng trưởng của mặt hàng đến từ khu vực trong nước với mức tăng 3,5% (kim ngạch đạt 409,69 triệu USD), trong khi khu vực FDI lại sụt giảm 0,94% (kim ngạch đạt 170,98 triệu USD).

- **Nhóm mặt hàng sụt giảm so với cùng kỳ:**

+ **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng khác:** Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm của mặt hàng ước đạt 2,28 tỷ USD, giảm 16,52% so với cùng kỳ. Sự sụt giảm đến từ cả khu vực kinh tế trong nước (kim ngạch đạt 1,28 tỷ USD, giảm 10,9% so với cùng kỳ) và khu vực FDI (kim ngạch đạt 998,92 triệu USD, giảm 22,77% so với cùng kỳ).

+ **Vải các loại:** Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 843,9 triệu USD, giảm 26,37% so với cùng kỳ; trong đó, khu vực kinh tế trong nước giảm 25,68% (kim ngạch đạt 494,61 triệu USD) và khu vực FDI giảm 27,32% (kim ngạch đạt 349,3 triệu USD).

+ **Chất dẻo nguyên liệu:** Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 816,18 triệu USD, giảm 13,63% so với cùng kỳ; trong đó, khu vực kinh tế trong nước giảm 12,39% (kim ngạch đạt 679,05 triệu USD) và khu vực FDI giảm 19,28% (kim ngạch đạt 137,14 triệu USD).

+ **Sắt thép các loại:** Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 461,82 triệu USD, giảm 13,46% so với cùng kỳ; trong đó, khu vực kinh tế trong nước giảm 20,04% (kim ngạch đạt 600,4 triệu USD) và khu vực FDI giảm 18,46% (kim ngạch đạt 79,4 triệu USD).

+ **Dược phẩm:** Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 271,47 triệu USD, giảm 42,34% so với cùng kỳ. Đây là mặt hàng có mức sụt giảm cao nhất so với cùng kỳ trong Top 10 mặt hàng nhập khẩu của Thành phố. Trong khi khu vực FDI có sự tăng trưởng vượt bậc 1.160,7% so với cùng kỳ (kim ngạch đạt 107,87 triệu USD) thì khu vực kinh tế trong nước lại sụt giảm 61,55% (kim ngạch đạt 302,28 triệu USD).

+ **Điện thoại các loại & linh kiện:** Đây là mặt hàng duy nhất thuộc nhóm mặt hàng hạn chế nhập khẩu trong Top 10 mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Thành phố. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 396,63 triệu USD, giảm 22,31% so với cùng kỳ.

+ **Hoá chất:** Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 394,35 triệu USD, giảm 5,91% so với cùng kỳ. Trong khi khu vực FDI có sự tăng trưởng 16,29% so với cùng kỳ (kim ngạch đạt 84,05 triệu USD) thì khu vực kinh tế trong nước lại sụt giảm 10,54% (kim ngạch đạt 310,29 triệu USD).

- **Nhóm mặt hàng ổn định, ít biến động so với cùng kỳ:**

+ **Sản phẩm chất dẻo:** Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng 6 tháng đầu năm 2020 đạt 373,64 triệu USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ.

+ **Nguyên phụ liệu thuốc lá:** Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng 6 tháng đầu năm 2020 đạt 42,35 triệu USD, giảm 0,2% so với cùng kỳ.

+ **Quặng, khoáng sản khác:** Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng 6 tháng đầu năm 2020 đạt 14,35 triệu USD, tăng 0,29% so với cùng kỳ.

+ **Hàng hoá khác:** Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng 6 tháng đầu năm 2020 đạt 1,89 tỷ USD, tăng 0,97% so với cùng kỳ.

3. Tổng hợp tác động của Covid-19 đến xuất nhập khẩu của Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2020

<i>So với cùng kỳ</i>		XUẤT KHẨU	NHẬP KHẨU
THỊ TRƯỜNG	<i>Tăng trưởng</i>	Trung Quốc, Đài Loan, Hongkong, Hàn Quốc, Australia, Hoa Kỳ, Hà Lan, Nga...	Singapore, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Philippines, New Zealand, Canada, Nga, UAE...
	<i>Sụt giảm</i>	Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Campuchia, Indonesia, Ấn Độ, Đức, Anh, Pháp Bỉ, Italia, Tây Ban Nha...	Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia, Thailand, Đài Loan, Hongkong, EU-28...
	<i>Ổn định, ít biến động</i>	Canada, New Zealand, Philippines	Nhật Bản, Chile
MẶT HÀNG	<i>Tăng trưởng</i>	Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện; Gạo; Hàng rau quả; Hàng thủy sản...	Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện; Sản phẩm hoá chất; Sữa, sản phẩm từ sữa; Hàng rau quả; Hàng thủy sản; Bông các loại...
	<i>Sụt giảm</i>	Hàng dệt, may; Giày dép các loại; Phương tiện vận tải khác & phụ tùng; Gỗ & sản phẩm gỗ; Cà phê...	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng khác; Vải các loại; Chất dẻo nguyên liệu; Sắt thép các loại; Dược phẩm; Điện thoại các loại & linh kiện; Hoá chất...
	<i>Ổn định, ít biến động</i>	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng khác; Túi xách, ví, vali, mũ & ô dù; Sản phẩm gỗ; Giấy & các sản phẩm từ giấy	Sản phẩm chất dẻo; Nguyên phụ liệu thuốc lá; Quặng, khoáng sản khác; Hàng hoá khác

4. Tình hình hỗ trợ doanh nghiệp tại Thành phố liên quan đến Covid-19

4.1. Thực trạng khó khăn và nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp

4.1.1. Thực trạng khó khăn của doanh nghiệp

Theo điều tra của Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện trong thời gian từ 10/4/2020 đến 20/4/2020 cho thấy có tới 85,47% số doanh nghiệp trên phạm vi toàn Thành phố bị tác động của dịch Covid-19. Theo quy mô, các doanh nghiệp có quy mô càng lớn, tỷ lệ chịu tác động từ dịch Covid-19 càng cao. Nhóm doanh nghiệp lớn là nhóm có tỷ lệ doanh nghiệp chịu tác động nhiều nhất với tỷ lệ 95,02%; tiếp đến là nhóm doanh

ng nghiệp vừa và nhỏ, với tỷ lệ chịu tác động lần lượt là 91,52% và 90,01%; nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ chịu tác động thấp hơn với 81,89%. Theo loại hình doanh nghiệp, thì doanh nghiệp Nhà nước là đối tượng đang chịu nhiều tác động của dịch Covid-19 nhất, với 89,07%; tiếp theo là nhóm doanh nghiệp thuộc loại hình FDI có tỷ lệ là 87,21% và nhóm doanh nghiệp ngoài Nhà nước là 85,21%. Theo ngành kinh tế, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đang chịu nhiều tác động nhất từ dịch Covid-19 với tỷ lệ doanh nghiệp bị tác động là 88,46%; kế tiếp là khu vực Công nghiệp và xây dựng là 86,03%, trong đó ngành xây dựng là 82,89% và cuối cùng là nhóm Dịch vụ có tỷ lệ 85,19%.

Kết quả khảo sát còn cho thấy, trong số những doanh nghiệp chịu tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19 có tới 19,94% số doanh nghiệp đang phải tạm ngừng hoạt động. Nếu dịch bệnh kéo dài đến hết quý III dự kiến có khoảng 31,38% số lượng doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động và đến hết quý IV tăng lên 34,02%. Theo quy mô, các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ hiện có tỷ lệ tạm ngừng hoạt động cao nhất với 24,89%, tiếp theo là doanh nghiệp nhỏ với tỷ lệ là 14,09%, đáng ngại là tỷ lệ doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn cũng ở mức khá cao lần lượt ở mức 10,57% và 11,06%. Xét theo loại hình doanh nghiệp, các nhóm doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp Ngoài nhà nước có tỷ lệ doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động ở mức khá cao, lần lượt ở mức 22,94% và 20,35%. Theo khu vực kinh tế, thì khu vực dịch vụ hiện là khu vực có tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động cao nhất với 21,38. Các khu vực còn lại cũng có tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng khá cao, trong đó khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản là 20,29% và công nghiệp xây dựng là 16,69%.

4.1.2. Những nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp

❖ Thị trường tiêu thụ

Hiện nay, thị trường tiêu thụ là vấn đề cấp bách được đặt ra với doanh nghiệp. Có đến 49,45% số doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 cho rằng: thị trường tiêu thụ trong nước bị thu hẹp rõ rệt; 15,32% lượng hàng hóa sản xuất không tiêu thụ được trong nước và 42,41% doanh nghiệp không thực hiện được các hoạt động sản xuất kinh doanh do nhu cầu tiêu dùng giảm. Đáng chú ý, trong các doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, có tới 38,21% doanh nghiệp khẳng định hàng hóa sản xuất ra không xuất khẩu được. Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp đang là vấn đề quan tâm hàng đầu của đại bộ phận doanh nghiệp hiện nay. Thị trường tiêu thụ trong nước và đặc biệt là thị trường xuất khẩu đều gặp rất nhiều khó khăn trong giai đoạn này.

❖ Thị trường cung cấp nguyên liệu đầu vào

Dịch Covid 19 đã làm tắt nghẽn chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu và là mắc xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt với ngành dệt may và da giày. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, có tới 70% số doanh nghiệp ngành may mặc và da giày thiếu hụt nguyên liệu từ nhập khẩu. Dịch bệnh càng kéo dài, nguyên vật liệu đầu vào dự trữ của doanh nghiệp càng cạn kiệt. Doanh nghiệp ngành dệt có 28,46% doanh nghiệp bị thiếu hụt nguyên liệu đầu vào từ trong nước và 44% doanh nghiệp bị thiếu hụt từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Đối với ngành may trang phục tỷ lệ thiếu hụt từ nguồn nguyên liệu trong nước là 25,52% và có tới 60,69% doanh nghiệp bị thiếu hụt từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu; Tương tự, ngành sản xuất da và các sản phẩm từ da có tỷ lệ lần lượt ở mức 34,26% nguồn nguyên liệu trong nước và 69,81% từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

❖ *Nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh*

Thị trường tiêu thị bị hạn chế, nguyên vật liệu đầu vào không đủ cung ứng cho hoạt động sản xuất kéo theo nhiều hệ lụy, trong đó việc thiếu hụt nguồn vốn kinh doanh là điều không thể tránh khỏi. Số liệu từ Cục thống kê đã chỉ ra rằng có 37,41% số doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang bị thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Đây là một trong những khó khăn hàng đầu của doanh nghiệp hiện nay. Đây cũng là tình trạng chung của toàn bộ doanh nghiệp từ quy mô nhỏ, siêu nhỏ đến doanh nghiệp quy mô vừa và lớn. Theo loại hình doanh nghiệp, khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước là nhóm có tỷ lệ thiếu hụt nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh cao nhất với 50,56%, tiếp theo là doanh nghiệp Nhà nước là 49,72% và cuối cùng là doanh nghiệp FDI có tỷ lệ là 32,91%.

❖ *Chi phí duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh*

Dưới áp lực đối mặt với những khó khăn do Covid 19 mang lại, hàng loạt doanh nghiệp đã phải có những chính sách nhằm giảm chi phí duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi trả công cho lao động được đánh giá là gánh nặng lớn nhất đối với doanh nghiệp thời điểm hiện nay, bên cạnh đó doanh nghiệp còn phải chịu áp lực từ các khoản chi phí lớn để duy trì hoạt động của doanh nghiệp như: chi phí thuê mặt bằng, chi trả lãi vay ngân hàng, trả công cho lao động, chi phí thường xuyên khác,...

4.2. *Các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp của Thành phố*

Nhận thấy được tình huống cấp bách và những khó khăn hiện tại của doanh nghiệp, thành phố Hồ Chí Minh đã nhanh chóng và kịp thời triển khai các chủ trương của Trung ương, linh hoạt vận dụng dựa theo tình hình thực tế của địa phương. Nội dung cụ thể như sau:

4.2.1. *Về hỗ trợ doanh nghiệp thông qua nhóm chính sách tài khóa*

Cục Thuế Thành phố đã xây dựng Bộ tiêu chí hướng dẫn các trường hợp được miễn, giảm và giãn thuế do ảnh hưởng của dịch Covid -19; triển khai ngay việc gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (theo thủ tục gia hạn trực tuyến) áp dụng tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ;. Tăng cường công tác tuyên truyền và hỗ trợ online qua qua các kênh (Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế, Trang điện tử Facebook, kênh Youtube....). Hạn chế hoặc không tổ chức thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp; tăng cường kiểm tra tại cơ quan thuế. Đẩy mạnh công tác hoàn thuế: Tính đến ngày 09 tháng 7 năm 2020 đã giải quyết 684 hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp với số tiền hoàn hơn 4.500 tỷ đồng.

Cục Thuế Thành phố đã rà soát, lập danh sách các doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 41/2020/NĐ-CP của Chính phủ với tổng số doanh nghiệp và tổ chức được ưu đãi là 255.904 doanh nghiệp và 43.778 cá nhân. Chủ động gửi thông báo để người nộp thuế rà soát với quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh thực tế; đồng thời hướng dẫn đăng ký gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất trực tuyến qua hệ thống thuế điện tử eTax (đã nhận được 24.675 giấy đề nghị gia hạn được qua hệ thống eTax).

4.2.2. *Về hỗ trợ tín dụng*

Các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng đã thực hiện cân đối, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xét duyệt hồ sơ vay vốn, nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay của khách hàng; kịp thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét

miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, giảm phí,... đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Đến ngày 24 tháng 7 năm 2020, đã hỗ trợ cho 233.885 khách hàng, với tổng dư nợ đạt 474.104 tỷ đồng. Cụ thể:

- Cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 170.232 khách hàng với dư nợ đạt 71.069 tỷ đồng;
- Miễn giảm lãi cho 18.259 khách hàng với dư nợ đạt 53.634 tỷ đồng;
- Cho vay mới lũy kế từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 cho 45.394 khách hàng với doanh số đạt 349.401 tỷ đồng.

4.2.3. Về hỗ trợ giảm chi phí sản xuất kinh doanh

- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trọn kỳ hóa đơn trong vòng đủ ba (03) tháng cho tất cả khách hàng, thời điểm giảm giá điện, giảm tiền điện cho từng khách hàng được xác định theo kỳ ghi chỉ số hàng tháng của Công ty Điện lực tại công tơ điện của khách hàng. Tổng số tiền hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho hơn 2,39 triệu khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 hơn 1.086,5 tỷ đồng.

- Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên cũng đã thực hiện chủ trương giảm tiền nước cho các khách hàng thuộc đối tượng sản xuất, kinh doanh - dịch vụ

4.2.4. Về tăng cường xuất khẩu, phát triển thị trường

Sở Công Thương đã tiếp xúc với các doanh nghiệp để nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh và các khó khăn sau dịch. Qua nắm bắt các khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp các sở, ngành đã thực hiện giải quyết các khó khăn để hỗ trợ doanh nghiệp sớm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể: giảm lãi suất cho vay, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, tiếp cận nguồn vốn mới, hỗ trợ tìm đầu ra cho sản phẩm, trong nước cũng như xuất khẩu, ...

Ngoài ra Sở Công Thương đã và đang xây dựng các nhóm giải pháp sau:

- Mời gọi sự chung tay, tiếp sức của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn của Thành phố giúp đỡ doanh nghiệp vừa và nhỏ theo hướng các bên cùng có lợi trong hợp tác như: hỗ trợ tìm nguồn nguyên liệu mới, tìm thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại, hỗ trợ đào tạo nghề, ...

- Khuyến khích chuyển đổi số, kinh tế số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và thương mại điện tử. Thành phố cam kết có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đổi mới máy móc, thiết bị, số hóa dữ liệu, ...

Đánh giá và thực hiện điều chỉnh nhóm giải pháp hỗ trợ về nguồn vốn cho doanh nghiệp, đảm bảo cho các doanh nghiệp này được nguồn vốn, thủ tục nhanh và hiệu quả nhất.

IV. GIẢI PHÁP

1. Dự báo tình hình thời gian tới

Theo Báo cáo của IMF cuối tháng 6 năm 2020, tăng trưởng toàn cầu được dự báo ở mức -4,9% vào năm 2020, thấp hơn 1,9 điểm % so với dự báo Triển vọng kinh tế thế giới (WEO) đưa ra vào tháng 4 năm 2020. Đại dịch Covid-19 đã có tác động tiêu cực hơn đến hoạt động trong nửa đầu năm 2020 so với dự đoán và sự phục hồi được kỳ vọng sẽ giảm dần so với dự báo trước đây. Năm 2021, tăng trưởng toàn cầu được dự kiến ở mức 5,4%.

Nhìn chung, điều này sẽ khiến GDP 2021 giảm khoảng 6 điểm phần trăm so với các dự báo trước Covid-19 vào tháng 1 năm 2020.

Có thể khẳng định, đại dịch Covid-19 đã và đang tác động nghiêm trọng đến cả hai phía cung và cầu của nền kinh tế. Nhu cầu tiêu dùng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động dự trữ, giãn cách xã hội, tâm lý không chắc chắn về diễn biến tương lai cùng những chính sách thắt lưng buộc bụng của các hộ gia đình và hành động dè dặt trong đầu tư, chi tiêu của các doanh nghiệp. Về phía cung, Covid-19 cũng tác động đến nguồn cung khi gây nên sự đứt gãy, gián đoạn chuỗi cung ứng, buộc nhiều nhà máy phải tạm thời đóng cửa, hạn chế mở các cửa hàng ở một số quốc gia, gây nên tâm lý dự trữ của người tiêu dùng.

1.1. Theo thị trường

Trong 6 tháng cuối năm 2020, xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam dự báo sẽ tăng trưởng khả quan hơn so với Quý II/2020 sau khi nhiều nước bắt đầu nới lỏng các biện pháp kiểm soát dịch bệnh và bắt đầu đẩy nhanh quá trình phục hồi, mở cửa và với việc thực thi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA). Bên cạnh đó, kết quả xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước, thể hiện khả năng chống chịu tốt hơn dưới tác động của dịch bệnh khi khối doanh nghiệp trong nước có kim ngạch xuất khẩu tăng 11,7% còn khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở mức tăng trưởng âm.⁷ Tuy nhiên, xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục đối diện với các yếu tố khó lường khi tình hình dịch bệnh chưa được kiểm soát hoàn toàn và sẽ khó đạt được kết quả tích cực như các năm trước. Diễn biến tình hình thực tế cho thấy xuất khẩu còn nhiều khó khăn. Mất việc làm, thu nhập giảm khiến nhu cầu của người tiêu dùng cho sản phẩm nhập khẩu khó có thể sớm cải thiện. Dự báo cho năm 2021 sẽ phụ thuộc nhiều vào diễn biến phòng, chống dịch và mở cửa lại nền kinh tế trên thế giới.

❖ Trung Quốc và các thị trường nói tiếng Trung

Kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc tháng 7/2020 tăng mạnh nhất trong 7 tháng qua trong khi kim ngạch nhập khẩu giảm, trong bối cảnh nền kinh tế thứ 2 thế giới đang nỗ lực phục hồi sau thời gian trượt dài vì tác động của đại dịch Covid-19. Trước tình hình làn sóng thứ 2 của dịch Covid-19 có thể quay trở lại, phía Trung Quốc đã áp dụng các biện pháp hạn chế sự lây lan của dịch bệnh như hủy bỏ toàn bộ các chuyến bay nội địa, hạn chế đi lại, cấm người dân đi du lịch để ngăn chặn dịch bệnh. Chính quyền Bắc Kinh và một số địa phương đã tiến hành rà soát nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng các mặt hàng thực phẩm trên địa bàn, trong đó, tăng cường kiểm tra các loại giấy tờ như chứng nhận đạt chuẩn chất lượng, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ và chứng từ mua hàng đối với nông sản dùng làm thực phẩm.

❖ Hoa Kỳ

Văn phòng Ngân sách Quốc hội Mỹ dự báo do tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, đến cuối năm 2021 nền kinh tế Mỹ mới hồi phục, thời điểm mà hoạt động đầu tư và thị trường lao động của nước này đều trải qua suy thoái trầm trọng nhất. GDP của Mỹ trong quý IV/2020 có thể giảm 5,6% so với cùng kỳ năm trước, dù nền kinh tế lớn nhất thế giới được dự báo sẽ đón làn sóng hồi phục của các hoạt động kinh tế trong những tháng tới.

Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ cho biết, kinh tế Hoa Kỳ hồi phục mạnh trong quý III/2020 do nền kinh tế mở cửa trở lại. Mặc dù thu nhập của người dân giảm, nhưng chi tiêu, tiêu dùng vẫn tăng, điều này cho thấy tín hiệu phục hồi tốt. Năm 2021, kinh tế Hoa

⁷ <http://baochinhphu.vn/Thi-truong/Xuat-nhap-khau-cuoi-nam-co-the-kha-quan-hon/402035.vgp>

Kỳ sẽ hồi phục mạnh mẽ và là thị trường nhập khẩu hàng hoá lớn nhất của Việt Nam. Tuy nhiên, yêu cầu thị trường sẽ cạnh tranh hơn, chú tâm tới các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa. Các biện pháp phòng vệ thương mại đối với Việt Nam có thể được phía Hoa Kỳ nhân mạnh hơn.⁸

❖ Nhật Bản

Trong nửa đầu năm, cán cân thương mại này tiếp tục ghi nhận mức thâm hụt gần 2.240 tỷ Yen, lớn nhất sau mức 5.190 tỷ Yen vào nửa cuối năm 2014. Theo số liệu được chính phủ Nhật Bản công bố tháng 5 vừa qua, nền kinh tế Nhật Bản đã chính thức rơi vào suy thoái trong quý I/2020 sau 2 quý tăng trưởng âm liên tiếp do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Nhu cầu nội địa tiếp tục giảm; đầu tư vào nhà ở giảm 1%, trong khi chi tiêu vốn tăng 0,6%. Trước đó, JCER dự báo GDP thực tế của Nhật Bản tăng 2,7% trong tháng 6/2020 nhờ việc nước này mở cửa nền kinh tế sau một thời gian phong tỏa để khống chế dịch COVID-19. Tuy nhiên, theo JCER, trong tháng 7/2020, mức tăng đã giảm còn 0,2%.

Trong khi đó, nhiều chuyên gia đã dự báo GDP của Nhật Bản có thể sẽ bật tăng trở lại trong quý III/2020 sau ba quý sụt giảm liên tiếp, với mức giảm lên tới 28,1% trong quý II/2020, cao nhất trong vòng 40 năm qua, chủ yếu do tác động của dịch COVID-19, trong đó đáng chú ý việc ban bố tình trạng khẩn cấp trong thời gian từ ngày 7/4 đến 25/5 đã khiến nhiều hoạt động kinh tế-xã hội bị đình trệ. Tuy nhiên, đà phục hồi này sẽ kéo dài bao lâu còn tùy thuộc vào tình hình dịch bệnh không chỉ ở Nhật Bản mà còn ở các đối tác kinh tế lớn của nước này.

❖ Hàn Quốc

Tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế lớn thứ tư châu Á vốn trong bối cảnh hoạt động kinh tế bị ảnh hưởng bởi các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt hơn ở khu vực thủ đô Seoul và vùng phụ cận, sẽ không tránh khỏi tăng trưởng âm trong năm nay do sự bùng phát của đại dịch Covid-19.⁹ Chính phủ Hàn Quốc vẫn giữ quan điểm sẽ dành thêm một khoản ngân sách bổ sung để ngăn nền kinh tế nước này rơi vào tăng trưởng âm. Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc công bố GDP của nước này đã giảm 3,3% trong quý II/2020. Trong khi đó, GDP quý I/2020 giảm 1,3%. Với 2 quý giảm liên tiếp, kinh tế Hàn Quốc đã rơi vào suy thoái lần đầu tiên trong 17 năm kể từ năm 2003. Đây là hệ quả trực tiếp của đại dịch COVID-19 đã gây ra gián đoạn các chuỗi cung ứng, dẫn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đình trệ, xuất khẩu giảm sút.

Trước đó, Viện nghiên cứu phát triển Hàn Quốc (KDI) ngày 8/9, KDI đã hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế nước này sẽ giảm 1,1% trong năm nay, thay vì tăng 0,2% như dự báo được đưa ra hồi tháng 5. Dự báo triển vọng tăng trưởng âm đậm của nền kinh tế Hàn Quốc được cho là do sự tái bùng phát của đại dịch COVID-19. Trước đó, đại dịch Covid-19 cũng đã khiến hoạt động kinh tế trong nước của Hàn Quốc trở nên tồi tệ trong tháng 2/2020 và tháng 3/2020 khi ca dương tính virus SARS-CoV-2 đầu tiên được phát hiện vào cuối tháng 1/2020.

❖ ASEAN

Báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) ngày 24-6-2020 cho biết, kinh tế toàn cầu có thể phải trải qua cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất kể từ cuộc đại suy thoái diễn ra vào những năm 1930 và có thể tăng trưởng âm 4,9% trong năm 2020, không loại trừ cả các

⁸ <http://baochinhphu.vn/Thi-truong/Xuat-khau-sang-Hoa-Ky-tang-truong-tich-cuc/414456.vgp>

⁹ <https://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/han-quoc-du-doan-kinh-te-tang-truong-am-nam-2020-563486.html>

nước ASEAN vốn có tốc độ tăng nhanh nhất thế giới hàng năm. Sang năm 2021, kinh tế thế giới có thể sẽ phục hồi với mức tăng trưởng từ 0,5 đến 8,4% và cũng chưa chắc chắn. IMF khuyến cáo các chính phủ cần tiếp tục tiến hành các gói hỗ trợ doanh nghiệp và hộ gia đình.¹⁰

Các chuyên gia của Bloomberg dự báo tăng trưởng GDP của các nền kinh tế ASEAN đều rất ảm đạm như dự báo GDP Thái Lan sụt tới 6%, Singapore giảm 5,7%, Malaysia lao dốc 3,9%, Philippines và Indonesia hạ lần lượt 3,5% và 1%. Về triển vọng năm 2021, nhóm chuyên gia Bloomberg nhận định nền kinh tế Philippines với 7,5%, Malaysia 5,7%, Indonesia 5%, Singapore 4,8% và cuối cùng là Thái Lan 4%. Dịch bệnh COVID-19 đã tác động mạnh mẽ lên khu vực ASEAN, trong đó 5 nền kinh tế phát triển khu vực đều ghi nhận mức tăng trưởng âm, tình trạng tồi tệ nhất trong hơn 20 năm qua.

❖ EU

Theo Cục Xuất nhập khẩu, xuất khẩu 6 tháng cuối năm có thể hy vọng từ việc thực thi Hiệp định EVFTA, đây là cơ hội lớn để Việt Nam tiếp cận thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 thế giới với dân số hơn 508 triệu người, GDP khoảng 18.000 tỷ USD. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát tại Châu Âu, Hiệp định EVFTA được đưa vào thực thi, doanh nghiệp Việt Nam sẽ có lợi thế rất lớn từ việc giảm/xóa bỏ hàng rào thuế quan vào thị trường EU để khai thác thị trường này.

Từ giữa tháng 4 đến nay, tình hình đã từng bước cải thiện, các nước châu Âu từng bước mở cửa trở lại đối với nền kinh tế. Nhiều nước đã tung ra các gói kích cầu quy mô lớn, tăng cường chi tiêu tài khóa để đối phó với dịch bệnh, duy trì các hoạt động kinh tế thiết yếu và hỗ trợ người lao động. Hiệp định EVFTA dự kiến sẽ có hiệu lực từ tháng 8/2020 tạo ra động lực mới cho xuất khẩu những tháng cuối năm 2020 và những năm tới. Việc Việt Nam phê chuẩn EVFTA vào thời điểm này sẽ tạo động lực cho việc phục hồi kinh tế trong nước sau đại dịch Covid-19. Với Hiệp định EVFTA, Việt Nam có thể mạnh rất lớn khi có rất ít nước có FTA với EU. Do vậy, về lâu dài, Hiệp định sẽ tạo ra lợi thế ổn định cho xuất khẩu của Việt Nam”.¹¹

1.2. Theo mặt hàng

❖ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện

Kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện 6 tháng đầu 2020 đạt 21,95 tỷ USD. Triển vọng ngành sản xuất điện tử được cho là sáng sủa khi Việt Nam có cơ hội đón sóng đầu tư của các tập đoàn công nghệ lớn.¹² Trong khi nhiều ngành sản xuất bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 thì lĩnh vực sản xuất điện tử vẫn tăng trưởng khá. Điều này thể hiện ở cả về chỉ số sản xuất công nghiệp lẫn kim ngạch xuất khẩu trong nửa đầu năm nay so với cùng kỳ. Theo báo cáo của Bộ Công Thương, 6 tháng đầu năm, sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

Bộ Công Thương cũng dự báo 6 tháng cuối năm, ngành sản xuất điện tử vẫn bị ảnh hưởng lớn do diễn biến dịch bệnh phức tạp có khả năng làm sụt giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm điện tử tại các thị trường Mỹ và châu Âu. Doanh thu và sản lượng toàn cầu của Samsung dự báo sẽ giảm do ảnh hưởng chung của dịch bệnh đến ngành điện tử nói

¹⁰ <https://nhandan.com.vn/nhan-dinh/kinh-te-the-gioi-nam-2020-va-trien-vong-613457/>

¹¹

https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/r/m/ncvtd/ncvtd_chitiet?dDocName=MOFUCM178767&_afrLoop=7237411952095857#%40%3F_afrLoop%3D7237411952095857%26dDocName%3DMOFUCM178767%26_adf.ctrl-state%3D2foiy5cds_9

¹² <https://congthuong.vn/xuat-khau-dien-thoai-va-linh-kien-6-thang-dau-nam-dat-gan-22-ty-usd-140751.html>

chung. Samsung Việt Nam cũng dự kiến giảm mục tiêu xuất khẩu xuống còn khoảng 45,5 tỷ USD trong năm 2020 (so với 51,38 tỷ USD năm 2019). Dù vậy, ngành sản xuất điện tử vẫn có triển vọng khi việc chuyển dịch đầu tư của các tập đoàn xuyên quốc gia mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam.

Hiện có nhiều thông tin các tập đoàn công nghệ lớn của thế giới lên kế hoạch dịch chuyển chuỗi sản xuất đến Việt Nam, chẳng hạn như LG đã chuyển toàn bộ dây chuyền sản xuất từ Hàn Quốc về Hải Phòng. Panasonic Việt Nam cũng chuẩn bị tiếp nhận sản xuất tủ lạnh và máy giặt cửa đứng công suất lớn từ Thái Lan vào đầu tháng 9 năm nay.

❖ *Gạo*

Vào cuối tháng 5, Bộ phận Đánh giá Cung – Cầu Nông sản Thế giới của Bộ Nông nghiệp Mỹ (WASDE) dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2020/21 sẽ đạt 502 triệu tấn, tăng gần 2% so với dự báo trước đây và là mức cao kỉ lục.

Thương mại gạo toàn cầu năm 2021 dự báo đạt 45,2 triệu tấn, tăng hơn 5% so với năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn mức kỉ lục 48,1 triệu tấn của năm 2017. Dự báo Thái Lan sẽ chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng mức tăng xuất khẩu vào năm tới, do tăng 1,5 triệu tấn. Xuất khẩu của Australia, Campuchia, Trung Quốc và Việt Nam dự báo cũng sẽ tăng trong năm 2021. Về nhập khẩu, dự báo Philippines sẽ tăng lượng nhập thêm 800.000 tấn, trong khi một số thị trường khác sẽ tăng nhập khẩu thêm 200.000 tấn mỗi nước, như Nigeria, Saudi Arabia và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất. Điều đó sẽ bù lại cho việc nhập khẩu giảm sút ở Trung Quốc, Indonesia và Hàn Quốc. WASDE dự báo thương mại toàn cầu năm 2020 về mặt hàng gạo được điều chỉnh tăng 0,1 triệu tấn lên 42,9 triệu tấn, nhưng vẫn thấp hơn 1% so với năm trước đó. Về xuất khẩu năm 2020, Campuchia dự báo sẽ xuất khẩu gạo tăng 0,3 triệu tấn, trong khi của Trung Quốc sẽ giảm 0,3 triệu tấn. Trong khi đó, USDA dự báo sản lượng gạo của thế giới năm 2020 ước đạt 494,3 triệu tấn, giảm khoảng 0,4% so với năm 2019. Tiêu dùng gạo thế giới năm 2020 ước đạt 489,8 triệu tấn, tăng khoảng 1,3% so với năm 2019.

Đối với Việt Nam, triển vọng xuất khẩu gạo đang được mở ra khi Hiệp định thương mại Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) được Quốc hội thông qua. Trong đó, cam kết cụ thể EU dành cho Việt Nam là hạn ngạch 80.000 tấn gạo/năm (gồm 30.000 tấn gạo xay xát; 20.000 tấn gạo chưa xay xát và 30.000 tấn gạo thơm) và tự do hoá hoàn toàn với gạo tấm. Sau 3 – 5 năm, thuế suất cho các sản phẩm từ gạo sẽ về 0%.

❖ *Hàng rau quả*

Trong khi xuất khẩu rau, quả sang thị trường Trung Quốc 6 tháng đầu năm 2020 giảm mạnh, thì các thị trường khác lại đón những tín hiệu rất tích cực.¹³ Điển hình như thị trường Thái Lan tăng trưởng rất cao, tới hơn 230% so với cùng kỳ 2019. Theo đánh giá của giới chuyên môn, trái cây Việt Nam không thua kém Trung Quốc hay Thái Lan, nhưng lại yếu hơn về sản xuất, chế biến và quảng bá tiêu thụ.

Bên cạnh đó, ngay trong tháng 8, khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, sẽ tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ngành hàng rau quả mở rộng thị trường xuất khẩu sang các quốc gia trong Liên minh châu Âu, đây cũng là thị trường chất lượng cao và có qui mô lớn nhất nhì trên thế giới. Tuy nhiên, để xuất khẩu được vào khối thị trường châu Âu, ngành hàng rau quả của Việt Nam cần nhanh chóng nắm bắt, học hỏi quy trình công nghệ nuôi trồng, xử lí, bảo quản, nâng cao chất lượng nông sản, nhất là vệ sinh an

¹³ <https://vietnambiz.vn/kho-khan-tai-trung-quoc-rau-qua-viet-nam-trong-cho-tin-hieu-tich-cuc-tu-eu-thai-lan-va-nhat-ban-20200831175423491.htm>

toàn thực phẩm, phải bảo đảm đạt được tiêu chuẩn cao cấp của thị trường châu Âu. EU là thị trường có nhu cầu ổn định về rau, quả tươi, chiếm 45% trị giá thương mại hàng rau, quả toàn cầu. Những loại trái cây nhiệt đới và mới lạ sẽ thu hút người tiêu dùng EU.

❖ *Hàng thủy sản*

Theo VASEP, dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trên thế giới và tiếp tục ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Song dự báo, xuất khẩu thủy sản sẽ hồi phục dần vào quý III và quý IV/2020, kim ngạch xuất khẩu cả năm có thể đạt 8,26 - 8,3 tỷ USD, giảm 3,8% so với năm 2019. Trước đây phục hồi khả quan của ngành thủy sản, theo VASEP, vẫn có những dấu hiệu lạc quan cho xuất khẩu khi doanh số bán lẻ trên thị trường thế giới vẫn ổn định hoặc tăng đối với thủy sản đông lạnh, đóng hộp, ướp và hun khói với thời hạn sử dụng lâu hơn.

Đặc biệt, Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, đây là yếu tố thuận lợi cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong những tháng cuối năm 2020. Nhất là những mặt hàng được hưởng thuế về 0% ngay khi hiệp định có hiệu lực như tôm sú, tôm chân trắng đông lạnh, mực bạch tuộc chế biến.

❖ *Hàng dệt, may*

Nhìn chung, tổng cầu dệt may toàn thế giới năm 2020 nhiều nguy cơ bị sụt giảm. Với kịch bản dịch bệnh kéo dài đến hết năm 2020, ước tổng nhập khẩu dệt may thế giới chỉ đạt đến ngưỡng 600 – 640 tỷ USD, giảm từ 15-20% so với mức 755 tỷ USD của năm 2019. Khảo sát của Liên đoàn các nhà sản xuất thiết bị và hàng hoá dệt may cũng đưa ra dự báo về khả năng suy giảm 25% tổng cầu 2020 toàn thế giới.

Các chuyên gia tư vấn về dệt may toàn cầu thuộc dự án của Wazir Advisors còn dự đoán tình trạng tiêu thụ dệt may, da giày năm 2020 tại Mỹ và EU còn giảm lần lượt xấp xỉ khoảng 30% do tâm lý người tiêu dùng lo lắng về tương lai. Dự kiến từ quý III/2021, mức tiêu thụ mới có khả năng hồi phục lại mức bình thường. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào sự kiểm soát bệnh dịch cũng như việc mở cửa trở lại các cửa hàng tại các quốc gia nhập khẩu lớn.

Với tình hình thị trường kể trên, dự báo xuất khẩu dệt may của Việt Nam 6 tháng cuối năm tiếp tục giảm khoảng từ 14-18% so với cùng kỳ, khiến tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2020 vào khoảng 32,75 tỷ USD, giảm khoảng 16% so với 2019.

❖ *Giày dép các loại*

Cũng giống như ngành dệt may, ngành da giày cũng bị ảnh hưởng lớn bởi dịch COVID-19. Từ nay đến cuối năm, dự báo đầu ra của ngành sẽ tiếp tục gặp khó, bởi phụ thuộc nhiều vào khả năng khống chế dịch của Mỹ và châu Âu.¹⁴ Tác động của dịch COVID-19 khiến đơn hàng dệt may, da giày gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp chỉ tính đơn hàng từng tháng, từng tuần.¹⁵

Hiệp định EVFTA sẽ là động lực lớn cho tăng trưởng của ngành giày dép, túi xách trong những tháng còn lại của năm 2020 và 2021. Với việc Hiệp định EVFTA có hiệu lực từ ngày 1/8, ngành da giày kì vọng xuất khẩu giày dép trong quý III và quý IV/2020 sẽ tăng trưởng trở lại, giúp bù đắp lại những thiệt hại trong những tháng đầu năm. Bởi thuế suất

¹⁴ <https://vietnambiz.vn/bo-cong-thuong-dau-ra-cua-nganh-da-giay-se-gap-kho-den-cuoi-nam-20201204102431336.htm>

¹⁵ <https://vietnambiz.vn/dich-covid-19-khien-don-hang-det-may-da-giay-chi-tinh-tung-thang-tung-tuan-20201002201200767.htm>

đối với sản phẩm túi, ví, cặp, va li, giày bảo hộ và giày thể thao được về 0% ngay khi EVFTA có hiệu lực. Trong đó, có các dòng sản phẩm chiếm 37% tổng sản phẩm giày dép xuất khẩu từ Việt Nam sẽ hưởng ngay mức thuế 0%, phần còn lại giảm dần từ mức bình quân 12,5% về 0% theo lộ trình từ 3 đến 7 năm. Để có thể tận dụng cơ hội từ Hiệp định này nhằm gia tăng xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp trong ngành đã lên phương án như tái cơ cấu bộ máy, sẵn sàng hạ tầng nhà xưởng, nguyên liệu nhằm đáp ứng theo các cam kết của Hiệp định, đồng thời tăng cường đầu tư máy móc để nâng cao chất lượng sản phẩm.

❖ *Gỗ và sản phẩm gỗ*

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu suy giảm mạnh trước tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, nhưng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vẫn khởi sắc, đáng chú ý, tình hình đơn hàng của doanh nghiệp đang có nhiều tín hiệu khả quan.¹⁶ Nếu như trong tháng 3, tháng 4 vừa qua, nhiều doanh nghiệp đồ gỗ nội thất gặp khó khăn, thì bước sang tháng 6 các đơn hàng có dấu hiệu phục hồi. Lượng đơn hàng đến thời điểm này tăng khoảng 20% so với cùng kỳ năm 2019 và chủ yếu tăng ở thị trường chủ lực - Mỹ.

Các mặt hàng đồ gỗ dùng trong nhà tăng mạnh do người dân ít ra đường. Việc giao thương được thực hiện qua bán hàng trên các showroom ảo qua nền tảng HOPE. Thế nên, ngành gỗ vẫn giữ được nhịp tăng trưởng bất chấp Covid-19. Thêm vào đó, các doanh nghiệp cũng kì vọng vào Hiệp định EVFTA sẽ thu hút nhiều đơn hàng xuất khẩu từ các nước thành viên trong thời gian tới. Đồng thời với lợi thế từ hiệp định này, đang có làn sóng chuyển dịch từ các nước vào Việt Nam. Xu hướng dịch chuyển thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ cho Mỹ từ Trung Quốc sang các thị trường khác, trong đó có Việt Nam, đang ngày càng rõ nét. Các doanh nghiệp FDI vào Việt Nam đồng thời mang theo công nghệ sản xuất tiên tiến nhất.

Tuy nhiên, để giữ vững thị phần đồ nội thất bằng gỗ tại Mỹ, doanh nghiệp gỗ của Việt Nam cần chú trọng về nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu, nhằm giảm thiểu rủi ro, tránh trường hợp bị khởi xướng điều tra áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh thuế như mặt hàng gỗ dán trong thời gian qua.

2. Các giải pháp

Việc kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh trong thời gian qua đã tạo nên những ảnh hưởng tích cực đến uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Đây là cơ hội “vàng” để thế giới biết tới Việt Nam như là một trong những điểm đến an toàn cho đầu tư kinh doanh cũng như đẩy mạnh các hoạt động giao thương thời gian tới. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh tại nhiều thị trường khu vực Châu Âu, Hoa kỳ, ASEAN, ... vẫn chưa được kiểm soát, việc các nước áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Chính vì thế, những giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu là cực kỳ cần thiết đối với cộng đồng doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu trong thời kỳ hậu dịch bệnh.

Theo nhận định của Bộ Công Thương, sau khi đạt mức tăng trưởng khá tích cực trong quý I/2020, hoạt động thương mại của Việt Nam trong tháng 4/2020 đã bắt đầu chịu tác động mạnh từ đại dịch Covid-19. Những ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh được dự báo sẽ tác động rõ nét hơn tới hoạt động thương mại của Việt Nam trong quý II/2020 bởi từ giữa tháng 3/2020 đến nay, dịch bệnh đã ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến các thị trường đối tác thương mại lớn của Việt Nam là Mỹ, EU, Nhật Bản. Những tác động trực tiếp thể

hiện tại những khía cạnh chính, bao gồm: (1) Nhu cầu mua sắm hàng hóa sụt giảm mạnh bởi các biện pháp phòng, chống dịch; (2) Hoạt động giao thương, giao dịch bị hạn chế; (3) Hoạt động thông quan hàng hóa khó khăn do tăng cường kiểm tra, kiểm soát; (4) Tình trạng hủy, hoãn đơn kéo dài khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn và (5) Giá hàng hóa sụt giảm mạnh do tác động của giảm cầu tiêu dùng.

Đối mặt với những khó khăn đó, những chính sách đã được đề xuất nhằm hỗ trợ đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu và đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu thời điểm sau khi kiểm soát, ổn định tình hình dịch bệnh¹⁷, bao gồm:

2.1. *Tận dụng triệt để các Hiệp định thương mại để thúc đẩy xuất khẩu*

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã được đưa vào thực thi và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) sắp được phê chuẩn và có hiệu lực là 02 trong số những Hiệp định Thương mại đáng chú ý mà Việt Nam cần tập trung nghiên cứu, đánh giá để tận dụng triệt để các cơ hội nhằm thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu.

Đối với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP): Sau hơn một năm có hiệu lực, CPTPP đã mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho 11 nước tham gia ký kết. Riêng với Việt Nam, việc xuất khẩu sang một số thị trường CPTPP đã đạt mức tăng trưởng tốt, cho thấy bước đầu tận dụng hiệu quả các cam kết từ hiệp định này để thúc đẩy xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường. Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng Việt Nam vẫn chưa tận dụng được hết cơ hội từ CPTPP. Để hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn và tận dụng được triệt để các cơ hội từ CPTPP, Chính phủ sẽ tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, dự án quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập và phát triển bền vững. Đẩy mạnh triển khai Đề án Hợp tác thương mại và đầu tư song phương giữa Việt Nam với các đối tác chiến lược quan trọng, nâng cao chất lượng hoạt động của các diễn đàn doanh nghiệp và hội đồng kinh doanh Việt Nam với các thị trường trọng điểm để tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin về thị trường, giới thiệu đối tác tiềm năng... hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam hợp tác đầu tư, kinh doanh quốc tế.

Về việc tận dụng cơ hội từ hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Bộ Công Thương sẽ đẩy nhanh tiến trình, thủ tục, sớm hoàn thành việc trình phê chuẩn Hiệp định EVFTA. Tập trung hoàn thiện việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn EVFTA để có hiệu lực ngay khi Hiệp định được thực thi. Đẩy mạnh tuyên truyền về EVFTA và cách tận dụng các cơ hội từ EVFTA mang lại. Các Thương vụ, Chi nhánh Thương vụ ở châu Âu tập trung nguồn lực để phát triển thị trường, tìm kiếm các thị trường xuất khẩu, nhập khẩu mới trong bối cảnh EVFTA được thực thi.

Về phía doanh nghiệp, việc chuẩn bị các kịch bản và phương án để đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu sang thị trường EU ngay khi kết thúc dịch bệnh cũng hết sức quan trọng. Với việc EVFTA dự kiến có hiệu lực sau ngày 01/7/2020, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có điều kiện tăng kim ngạch xuất khẩu ở những ngành lợi thế như nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép,... với thuế suất ở mức 0%. Các doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ hội để mở rộng thị trường xuất khẩu, tuy nhiên để tận dụng cần phải chuẩn bị lên kế hoạch cụ thể và cần nắm rõ các quy định mà EVFTA yêu cầu như tiêu chuẩn về sản phẩm, nhu cầu của người tiêu dùng từng thị trường. Bởi lẽ, EU là thị trường rất khó tính, điều kiện sản xuất

¹⁷ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/597/5107/phuc-hoi-kinh-te-sau-covid-19--phuong-an-nao-de-giai-bai-toan-day-manh-xuat-khau-va-da-dang-hoa-thi-truong-xuat-khau-cho-doanh-nghiep-viet-nam.aspx>

kinh doanh chặt chẽ, đòi hỏi về tiêu chuẩn chất lượng mẫu mã sản phẩm (vệ sinh an toàn thực phẩm, nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm,...).

2.2. *Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại*

Theo Bộ Công Thương, nhiệm vụ cấp thiết đầu tiên cần thực hiện trong giai đoạn này là việc xây dựng một số đề án xúc tiến thương mại gọn nhẹ, lên kế hoạch khả thi, phương án triển khai cụ thể và chuẩn bị trước để có thể tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại, kết nối giao thương ngay khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát thành công tại các nước, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu, đặc biệt tại các thị trường dự kiến hết dịch sớm như Trung Quốc, Hàn Quốc,... Đặc biệt khai thác các thị trường/khu vực thị trường hiện đang có các thỏa thuận thương mại tự do (FTA) với Việt Nam.

Bên cạnh đó, cần triển khai nhanh chóng các hình thức kết nối giao thương trực tuyến mở rộng sang các thị trường khác như châu Mỹ, châu Âu, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Đông Nam Á, Trung Đông,... Theo đó ưu tiên kết nối xuất khẩu hàng nông, thủy sản và nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất, xuất khẩu.

Ngoài ra, nhằm đánh giá tình hình sản xuất hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, phân tích đặc điểm, xu hướng tại các thị trường xuất khẩu chủ lực, trong thời gian tới, cần xây dựng và triển khai “Đề án thúc đẩy chuyển đổi, cơ cấu lại sản xuất của các ngành hàng gắn với truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý và xây dựng thương hiệu cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam”. Đề án này sẽ tập trung đánh giá 3 yếu tố, gồm: truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý và xây dựng thương hiệu, từ đó giúp phát huy tiềm năng, lợi thế và cơ hội cho các ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam phát triển một cách bền vững.

2.3. *Nâng cao năng lực của hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp*

Các hiệp hội ngành hàng được coi là mắt xích liên kết giữa các doanh nghiệp và là cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, hiệp hội đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi, thúc đẩy, nâng cao năng lực cạnh tranh cho hội viên trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện tại. Tuy nhiên, hiện nay, các hoạt động của hiệp hội vẫn chưa đạt được hiệu quả cao do tác động từ nhiều yếu tố như nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính... Vì vậy, việc nâng cao năng lực của hiệp hội, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp trong phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất khẩu là một việc hết sức quan trọng. Để thực hiện hiệu quả công việc này, trong thời gian tới các Hiệp hội cần tập trung vào những nhiệm vụ, bao gồm:

Thứ nhất, phổ biến, cung cấp thông tin về tình hình tiềm năng, cơ hội thị trường xuất khẩu; tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu; hỗ trợ đào tạo kỹ năng giao thương trực tuyến hiệu quả cho doanh nghiệp.

Thứ hai, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện quản lý chất lượng hàng hóa xuất khẩu, xây dựng và triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc, đáp ứng quy định tiêu chuẩn theo đúng thông lệ quốc tế để kịp thời ứng phó với phương án chuyên hướng xuất khẩu sang các thị trường mới.

Thứ ba, phối hợp với các ngành hàng, địa phương xây dựng nội dung và kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, quảng bá chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, các thương hiệu ngành hàng/sản phẩm được lựa chọn và xây dựng các sản phẩm truyền thông nhằm giúp tăng cường nhận biết các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể của Việt Nam trên thị trường quốc tế để sớm có cơ hội tiếp cận đến khách hàng, người tiêu dùng quốc tế

thông qua các kênh thương mại điện tử, các sự kiện xúc tiến thương mại, các sự kiện ngoại giao, văn hóa ở nước ngoài sau khi dịch bệnh được đẩy lùi.

Thứ tư, có giải pháp và triển khai thực hiện hỗ trợ DN tiếp cận kênh thông tin về xuất, nhập khẩu nhằm tìm kiếm thị trường mới nhập khẩu nguyên, vật liệu đầu vào, tránh phụ thuộc vào một thị trường và thị trường mới để tiêu thụ sản phẩm đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh; đồng thời hỗ trợ DN đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế chia sẻ.

Thứ năm, có giải pháp hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua Quỹ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ để tạo điều kiện cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận được nguồn lực tài chính cần thiết vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất. Thực hiện kích cầu tiêu dùng và đầu tư, với nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước gần 100 triệu dân và thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược, trong đó tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Hỗ trợ giá, bù đắp chi phí vận chuyển, lưu kho tăng do cộng đồng doanh nghiệp phải nhập khẩu nguyên vật liệu từ các thị trường mới với các chi phí liên quan cao hơn như: giá nguyên, vật liệu cao hơn, chi phí vận chuyển cao hơn do phải chuyển chở quãng đường dài hơn. Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp cung ứng vật tư trong nước vượt qua khó khăn, tiếp tục thực hiện vai trò nhà cung ứng nguyên liệu, hàng hoá đầu vào trong nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thị trường Gạo quý II/2020, Vietnambiz.
2. <https://vinatex.com.vn/du-bao-tinh-hinh-thi-truong-det-may-6-thang-cuoi-nam-2020/>
3. <https://cungcau.vn/bao-cao-nganh-hang-rau-qua-giua-thang-7-2020-xuat-khau-giam-manh-d207990.html>
4. <https://cungcau.vn/bao-cao-nganh-hang-thuy-san-cuoi-thang-6-2020-xuat-khau-giam-so-voi-cung-ky-d206568.html>
5. <https://cungcau.vn/bao-cao-nganh-hang-go-cuoi-thang-6-2020-xuat-khau-tang-so-voi-cung-ky-d206366.html>
6. <https://cungcau.vn/bao-cao-nganh-hang-ca-phe-cuoi-thang-6-2020-xuat-khau-giam-sang-nga-d206365.html>
7. <http://www.medinet.hochiminhcity.gov.vn/phong-chong-dich-benh/dich-covid-19-tren-the-gioi-cac-nuoc-dang-buoc-vao-lan-song-covid-19-lan-thu-2-cmobile2-31592.aspx>
8. <https://www.intracen.org/covid19/Blog/The-Great-Shutdown-How-COVID19-disrupts-supply-chains/>
- 9.